

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

1. Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

- Mã chứng khoán : SKG
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 187 đường Nguyễn Trung Trực, Kp5, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang
- Điện thoại : 0297 3 980 111
- Fax : 0297 3 846 180
- Email : info@superdong.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (SKG) công bố Báo cáo thường niên năm 2022. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 14/04/2023 tại đường dẫn <http://www.superdong.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022.

Người đại diện theo pháp luật



HÀ NGUYỆT NHI



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG KIÊN GIANG

Địa chỉ: 187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Phường Dương Đông, TP. Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: (0297) 3846 180

Email: info@superdong.com.vn

Website: www.superdong.com.vn



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

**2022
ANNUAL
REPORT**

MỤC LỤC



01 Thông tin chung 07

02 Tình hình hoạt động trong năm 29

03 Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc 53

04 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty 61

05 Quản trị công ty 65

06 Báo cáo phát triển bền vững 77

07 Báo cáo tài chính 83



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC

KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

GIẤY CNDKDN

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 do Ban quản lý ĐTPT đảo Phú Quốc cấp ngày 22/01/2010 và đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700556108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư ngày 04/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 06/05/2022.

VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)

633.317.350.000

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (VNĐ)

633.317.350.000

MÃ CỔ PHIẾU SKG

ĐỊA CHỈ

187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

SỐ ĐIỆN THOẠI

(0297) 3980 111

SỐ FAX

(0297) 3846 180

WEBSITE

<https://superdong.com.vn/>



THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH DOANH

TRỤ SỞ CHÍNH

187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc,
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
Website: www.superdong.com.vn
Email: info@superdong.com.vn
ĐT: (0297) 3980 111
Hotline: 0919 664 660

VPĐD TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Số 610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.
HCM.
SĐT: (028) 3866 6333
Email: saigon.sales@superdong.com.vn

PHÒNG VÉ LẠI SƠN

Ấp bãi nhà, xã Lại Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên
Giang.
SĐT: (0297) 3830 555 - 091 1541 331

PHÒNG VÉ RẠCH GIÁ

Số 01 Lô 4, Đường 3/2, Phường Vĩnh Thanh Vân,
TP. Rạch Giá .
SĐT: (0297) 3877 742
Email: rachgia.sales@superdong.com.vn

PHÒNG VÉ HÀ TIÊN

Số 11 Trần Hữu, Phường Bình San, Thị xã Hà Tiên.
SĐT: (0297) 3955 933
Email: hatien.sales@superdong.com.vn

PHÒNG VÉ HÒN NGHỆ

Tổ 1, Ấp Bãi Nam, Xã Hòn Nghệ, Huyện Kiên Lương,
Tỉnh Kiên Giang.
SĐT: 094 7624 365

PHÒNG VÉ TRẦN ĐỀ

Ấp Đầu Giồng, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng,
Bến Cảng Superdong Trần Đề - Sóc Trăng.
SĐT: (0299) 3843 888 / (0299) 3843 999

PHÒNG VÉ NAM DU

Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang.
SĐT: (0297) 3890 389 / (0297) 3777 989

PHÒNG VÉ PHAN THIẾT

Số 169 Võ Thị Sáu, Phường Hưng Long, Thành phố
Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.
SĐT: (0252) 3817 337 / (0252) 3817 338
Đường dây nóng: 0946 198 768
Email: phanthiet.sales@superdong.com.vn

PHÒNG VÉ CÔN ĐÀO

Đường Trần Phú, khu 6, Thị trấn Côn Đảo, huyện
Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
SĐT: (0254) 3630 138 / (0254) 3630 139

PHÒNG VÉ PHÚ QUÝ

Số 11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, xã Tam Thanh,
Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận.
SĐT: (0252) 3765 999 / (0252) 3768 666

PHÒNG VÉ SÓC TRĂNG

Số 193 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc
Trăng.
SĐT: (0299) 3616 111
Hotline xe buýt: 0916 294 399
Email: soctrang.sales@superdong.com.vn

PHÒNG VÉ CẦN THƠ

Số 62B Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Tân Phú,
Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.
SĐT: 0886 712 233



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

2017

Khai trương tuyến hoạt động mới Sóc Trăng – Côn Đảo và chính thức khai thác tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc (bến Bãi Vòng). Hoạt động với 14 tàu cao tốc và phà.

2018

Khai trương tuyến hoạt động mới Phan Thiết – Phú Quý. Hoạt động với 17 tàu cao tốc và phà.

2019

Mở tuyến mới Phú Quốc - Nam Du. Hoạt động với 18 tàu cao tốc và phà.

2020

Khai trương tuyến Rạch Giá - Hòn Nghệ.

2021

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành, vận hành hiệu quả hệ thống đặt vé trực tuyến. Triển khai chính thức việc phát hành hóa đơn điện tử.

2022

Chính thức hoạt động trở lại tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo.

Triển khai các chương trình ưu đãi dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ đặt vé trực tuyến.

2007

Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang hoạt động khai thác tuyến Rạch Giá – Phú Quốc với 01 tàu cao tốc Superdong I.

2010

Công ty chuyển đổi hình thức thành công ty cổ phần. Hoạt động với 03 tàu cao tốc.

2012

Công ty trở thành Công ty đại chúng.

2014

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM. Hoạt động với 07 tàu cao tốc.

2015

Tuyến Rạch Giá – Nam Du chính thức hoạt động từ tháng 06.

Khai trương dịch vụ xe trung chuyển tại cảng Bãi Vòng (Phú Quốc). Hoạt động với 08 tàu cao tốc.

2016

Tàu cao tốc Superdong IX, Superdong X tiếp tục được đưa vào khai thác để đáp ứng nhu cầu gia tăng của hành khách, tổng số ghế đạt 2.684, tăng 26,7% so với năm 2015.

THÀNH TÍCH QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Nơi cấp	Thời gian	Nội dung	Người ký
Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	26/12/2022	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (Chi nhánh Côn Đảo) đã có thành tích tiêu biểu trong hoạt động ngành du lịch năm 2022.	Phó Chủ tịch Nguyễn Thụy Nga.
Trung tâm Y tế Phú Quốc.	2022	Thư cảm tạ CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã hỗ trợ một phần kinh phí cho Trạm Y tế xã Hàm Ninh làm mái che.	Phó Giám đốc Võ Thành Dũng.
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.	01/12/2021	Giấy chứng nhận CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" năm 2021.	Giám đốc Công an tỉnh, Đại tá Đỗ Triệu Phong.
Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.	06/10/2020	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương giai đoạn 2019 – 2020.	Chủ tịch Bùi Thế Nhân.
Cục thuế tỉnh Bình Thuận.	04/03/2020	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2019.	Cục trưởng Trần Thị Diệu Hoàng.
Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.	06/01/2020	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2019.	Chủ tịch Bùi Thế Nhân.
Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kiên Giang.	26/12/2019	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh vận tải năm 2019.	Giám đốc Nguyễn Văn Dũng.
Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.	02/12/2019	CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2019.	Giám đốc Trương Hữu Cường.
Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận.	12/09/2019	Cảm tạ Tấm lòng vàng.	Phó Chủ tịch Trương Thị Hòa.
Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.	15/01/2019	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2018.	Chủ tịch Bùi Thế Nhân.
Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tiên.	05/02/2018	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong quá trình đầu tư xây dựng công trình nhà ga Bến tàu khách Hà Tiên.	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân.

Nơi cấp	Thời gian	Nội dung	Người ký
Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tiên.	18/01/2018	Giấy khen Công ty đã có nhiều đóng góp trong phong trào do chính quyền địa phương phát động năm 2017.	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân.
Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch tỉnh Sóc Trăng.	27/10/2017	Giấy khen Công ty đã tham gia gian hàng du lịch tại Lễ hội Óc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần III, khu vực ĐBSCL năm 2017.	Giám đốc Trần Minh Lý.
Hiệp hội phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam.	10/10/2017	Bảng khen Công ty đã có đóng góp tích cực trong việc tổ chức thành công Hội nghị Kết nối Giao thương VACOD - Sóc Trăng & Giao lưu Doanh nhân ba miền Bắc - Trung - Nam năm 2017.	Chủ tịch TS. Nguyễn Hồng Sơn.
Forbes Việt Nam.	29/05/2017	Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất.	
Hiệp hội vận tải tỉnh Kiên Giang.	20/03/2017	Giấy chứng nhận Công ty là Hội viên chính thức của Hiệp hội Vận tải tỉnh Kiên Giang.	Chủ tịch Lê Việt Bắc.
Hiệp hội VAFE.	09/11/2016	Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin.	Tổng thư ký Mai Linh Đa.
Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) CTCP Tài Việt (Cổng thông tin tài chính chứng khoán Vietstock.vn).	09/11/2016	Trong chương trình Bình chọn IR (Công tác Quan hệ cổ đông) năm 2016 – IR AWARD 2016. Công ty là 1 trong số 118 Doanh nghiệp Niêm yết, tương ứng số lượng ít ỏi 18,47% đơn vị trên TTCK, đáp ứng các quy định về Công bố thông tin trong năm 2016.	Tổng thư ký hiệp hội VAFE Mai Linh Đa Chủ tịch CTCP Tài Việt Phạm Thị Thanh Nga.
Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.	21/01/2015	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2014.	Giám đốc Trương Hữu Cường.
Viện nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp.	10/11/2014	Doanh nghiệp vận tải có chỉ số sinh lời tốt nhất Việt Nam của chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp 2014.	Viện trưởng PGS. TS Nguyễn Mạnh Quân.
Sở Công thương tỉnh Kiên Giang.	15/03/2013	Đã có thành tích ủng hộ tiền cho người nghèo khó năm 2013.	Giám đốc Huỳnh Văn Gành.
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.	08/02/2013	Đã có thành tích xuất sắc việc nộp thuế năm 2012.	Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang Lê Văn Thi.
Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.	15/02/2012	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2011.	Giám đốc Trương Hữu Cường.

THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

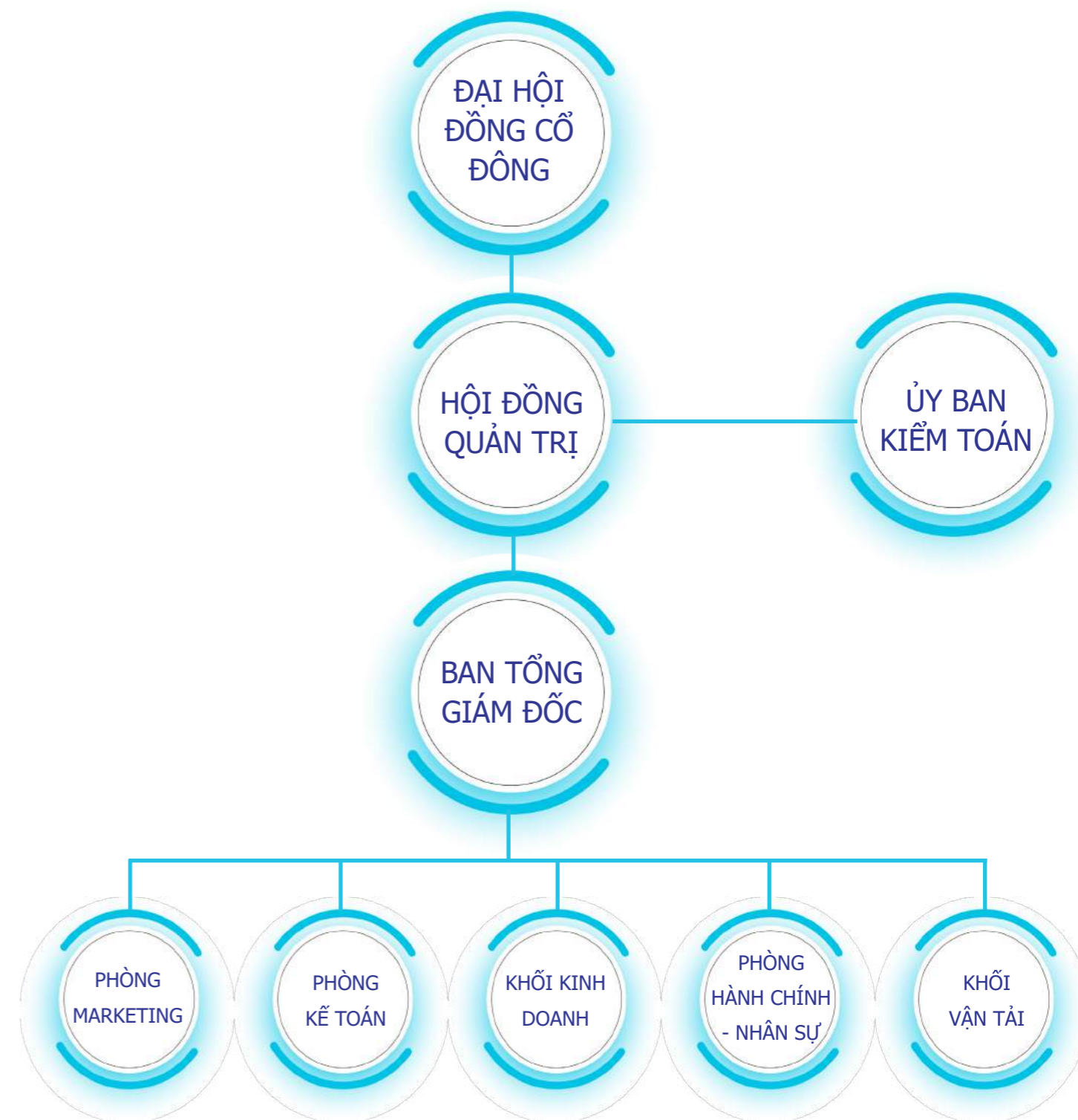
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang có cơ cấu tổ chức hoạt động gồm 01 Trụ sở chính đặt tại Phú Quốc, 04 chi nhánh tại Sóc Trăng, Côn Đảo, Phú Quý và Nam Du; 01 Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh và một số phòng vé tại các tuyến tàu khai thác. Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Ngành nghề kinh doanh chính

Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển;
Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa;
Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
Dịch vụ phục vụ đồ uống;
Điều hành kinh doanh tour du lịch;
Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Với mục tiêu củng cố và thích nghi với tình hình mới của hoạt động kinh doanh cốt lõi là dịch vụ vận tải tới các đảo du lịch, Công ty đã bổ sung thêm một số ngành nghề:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
Bốc xếp hàng hóa;
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
Khách sạn;
Hoạt động vui chơi giải trí khác;
Đóng tàu và cấu kiện nổi;
Sửa chữa máy móc, thiết bị;
Kinh doanh khai thác cảng biển (Kinh doanh có điều kiện);
Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển (Kinh doanh có điều kiện);
Kinh doanh khai thác Cảng thủy nội địa (Kinh doanh có điều kiện).



Xu hướng du lịch biển đảo đang từng bước hình thành với rất nhiều dư địa để phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực vận chuyển hành khách, hàng hóa giữa đất liền và các đảo du lịch. Nhận thấy được tiềm năng to lớn này, Công ty luôn tập trung vào việc kinh doanh dịch vụ vận tải bằng tàu cao tốc và phà nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, cũng như phát triển kinh tế, du lịch của khu vực. Hiện, Công ty đang là hãng tàu hàng đầu trong các thị trường khai thác với đội tàu gồm 16 tàu cao tốc và 02 phà, phục vụ cho hành khách đi tới các đảo Phú Quốc Côn Đảo, Phú Quý, cụ thể như sau:

Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong III, V, VI, XII;
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong IV, VII, VIII;
Tuyến Rạch Giá – Nam Du (gồm các trạm dừng Hòn Tre, Lại Sơn): Tàu cao tốc Superdong II, XI;

Tuyến Rạch Giá – Hòn Tre - Hòn Sơn: Tàu cao tốc Superdong I, IX, X;
Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo: Tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II;
Tuyến Phan Thiết – Phú Quý: Tàu Superdong Phú Quý I, II.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Với 06 tuyến vận chuyển đang khai thác, địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm tại tỉnh Kiên Giang, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tỉnh Bình Thuận của Việt Nam.

Hiện, Công ty đang hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và trong khu vực địa lý là tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Cần Thơ và Bình Thuận.



NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI TÀU SUPERDONG



Tàu	Tổng công suất (KW)	Sức chở tối đa (hành khách)	Tốc độ (hải lý/người)	Số thuyền viên (người)	Thời gian chạy (h)
Tàu Superdong I	1.194	171	22	10	1,5
Tàu Superdong II	1.518	261	24,5	10	2,15
Tàu Superdong III	2.080	306	26,5	11	1,25
Tàu Superdong IV	2.080	306	26,5	11	2,5
Tàu Superdong V	1.518	275	25,5	10	1,3
Tàu Superdong VI	1.518	275	26	10	1,3
Tàu Superdong VII	2.420	275	28,5-29,5	10	2,25
Tàu Superdong VIII	2.420	275	28,5-29,5	10	2,25

Tàu	Tổng công suất (KW)	Sức chở tối đa (hành khách)	Tốc độ (hải lý/người)	Số thuyền viên (người)	Thời gian chạy (h)
Tàu Superdong IX	1.518	275	26	10	1,5
Tàu Superdong X	1.518	275	26	10	1,5
Tàu Superdong XI	1.518	275	24	10	2
Tàu Superdong XII	1.518	275	26	10	1,3
Tàu Superdong Côn Đảo I	2.080	306	26	11	2,5
Tàu Superdong Côn Đảo II	2.080	306	26	11	2,5
Tàu Superdong Phú Quý I	2.420	306	26	11	2,25 – 2,5
Tàu Superdong Phú Quý II	2.420	246	26	11	2,25 – 2,5

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Cùng với sự phát triển của xã hội, nhu cầu của con người không ngừng mở rộng và tăng cao hơn, đặc biệt là các nhu cầu cơ bản và thiết yếu. Việc di chuyển không chỉ đáp ứng mục đích sinh kế mà còn để phục vụ cho nhu cầu thư giãn và trải nghiệm của con người. Qua việc cải thiện giao thông giữa đất liền và các đảo du lịch, cũng như giữa các đảo du lịch với nhau, Công ty hiểu rõ hơn về nhu cầu này và đây cũng chính là đối tượng, mục tiêu chính cho hoạt động kinh doanh.

Công ty cam kết đầu tư một cách nghiêm túc và bài bản vào các phương tiện vận chuyển chuyên biệt, cũng như tuyển dụng đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm để đảm bảo sự an toàn và ổn định cho khách hàng. Hơn nữa, Công ty cũng chú trọng đến việc cung cấp một hệ thống phân phối linh hoạt và phổ biến, đồng thời đảm bảo tiện lợi và thoải mái cho khách hàng với dịch vụ đa dạng và giá cả hợp lý.

Công ty đã không ngừng nỗ lực phát triển để đem đến cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ tốt nhất. Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động kinh doanh, từ chất lượng dịch vụ, tới quản lý, marketing

và chăm sóc khách hàng. Công ty luôn đặt mục tiêu dẫn đầu thị trường và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, du lịch. Đồng thời, Công ty cũng đóng góp vào ngân sách quốc gia bằng cách tăng nguồn thu và tạo ra nhiều công ăn việc làm ổn định cho người lao động. Với tầm nhìn dài hạn và chiến lược phát triển bền vững, Công ty cam kết sẽ tiếp tục trở thành một địa chỉ tin cậy cho khách hàng và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.

Trải qua hành trình phát triển suốt 20 năm qua, thương hiệu Superdong đã khẳng định được vị thế dẫn đầu trên thị trường vận chuyển hành khách và hàng hóa. Sự đánh giá cao của khách hàng và đối tác là một minh chứng rõ nét cho uy tín và sự tin cậy của Công ty trong lĩnh vực hoạt động của mình. Công ty đã không ngừng nỗ lực tăng cường và nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời đầu tư vào cơ sở hạ tầng, thiết bị, công nghệ hiện đại để tiến tới làm chủ các công nghệ về tàu nhằm đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng với sự cam kết mang lại trải nghiệm dịch vụ tốt nhất.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty cam kết tiếp tục tập trung đầu tư phát triển lĩnh vực vận chuyển hành khách và hàng hóa bằng các phương tiện cao tốc và đưa ra các chính sách chiến lược nhằm đạt được mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng đầu trong ngành.

Điều này bao gồm việc đưa vào thử nghiệm các phương tiện vận chuyển mới như phà cao tốc thay thế tàu cao tốc để mở ra những hướng đi mới và đạt được ưu thế cạnh tranh trên thị trường; cũng như việc tiếp tục mở rộng ra các thị trường mới như kế hoạch mở tuyến mới TP. HCM – Vũng Tàu, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng trên tuyến đường này.

Công ty sẽ tận dụng các thế mạnh hiện có như đội tàu đa dạng để thích nghi với các nhu cầu trong các thời điểm khác nhau, áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị và kinh doanh.

Đồng thời, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, khảo sát các địa bàn mới trong và ngoài nước, cũng như nghiên cứu, thử nghiệm việc làm chủ các công nghệ về các phương tiện chuyên chở cao tốc nhằm tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo, với mục tiêu duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành và gia tăng sức mạnh thương hiệu Superdong trên các thị trường khai thác.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty chú trọng đến mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, xã hội và cộng đồng thông qua những hành động thiết thực đồng thời đang tiến hành các biện pháp nhằm giảm thiểu khí thải và tiếng ồn gây ô nhiễm môi trường. Để đạt được mục tiêu này, Công ty đang tập trung vào việc cải tiến đội tàu và ưu tiên sử dụng các nhiên liệu thân thiện với môi trường. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng chiến lược phù hợp với các quy định và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường để giảm thiểu các tác nhân gây hại đến môi trường và xã hội.

Công ty cam kết thực hiện chính sách lao động hợp lý, cạnh tranh để khuyến khích phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng suất lao động, đồng thời tạo điều kiện để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Bằng cách đó, Công ty mong muốn tạo ra môi trường làm việc tích cực và khuyến khích sự phát triển cá nhân của người lao động.

Công ty chủ động và tích cực tham gia vào các chương trình có ý nghĩa đối với môi trường, xã hội và cộng đồng như hỗ trợ kinh phí cho các trạm Y tế xã, ủng hộ xây dựng cầu - đường - trường - trạm, ... Điều này cho thấy cam kết của Công ty với trách nhiệm xã hội và mong muốn đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng. Bằng cách tham gia các hoạt động này, Công ty hy vọng sẽ tạo ra tác động tích cực đến môi trường và xã hội, đồng thời tăng cường hình ảnh và uy tín của mình trong ấn tượng của khách hàng và đối tác.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Các yếu tố quan trọng của nền kinh tế, bao gồm tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá hối đoái và tỷ lệ thất nghiệp, đều có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Trong năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với một số thách thức do tình hình kinh tế thế giới bất ổn. Xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina kéo dài gây ra sự bất ổn trên thị trường toàn cầu. Ngoài ra, lạm phát đang đạt đến mức cao nhất trong nhiều thập kỷ tại Mỹ và Châu Âu, gây áp lực lên giá cả của các nguyên liệu đầu vào, đồng thời tăng nguy cơ địa chính trị và đứt gãy chuỗi cung ứng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế, trong trường hợp này, có thể ảnh hưởng đến thu nhập của người dân, qua đó ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của khách hàng và từ đó tác động đến mức độ sử dụng các dịch vụ của Công ty. Với những chủ trương đúng đắn và kịp thời của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam vẫn có những điểm sáng trong năm 2022. Mức tăng trưởng GDP được ước tính đạt 8,02% so với năm trước, đánh dấu một mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Điều này cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã khôi phục một phần và đạt được mức tăng trưởng khả quan trong bối cảnh khó khăn của năm 2021.

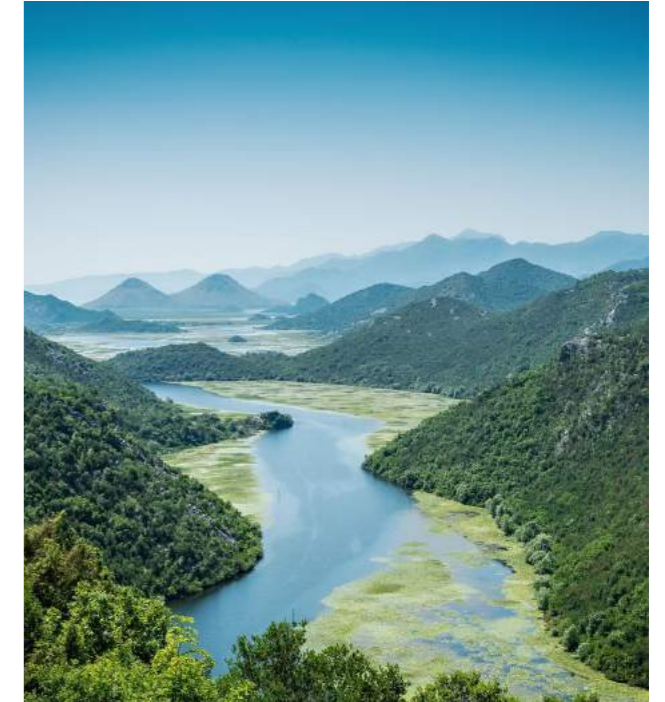
Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi, tuy nhiên còn đối mặt với nhiều khó khăn trong việc tăng trưởng sản xuất, đặc biệt là thiếu hụt nguyên liệu và nhiên liệu cho hoạt động sản xuất, gây áp lực tăng giá xăng dầu và giá nguyên nhiên liệu, làm gia tăng lạm phát. Hiệu ứng này làm tác động trực tiếp lên chi phí đầu vào của các Công ty trong ngành và gây sức ép lớn lên thành quả hoạt động của Công ty. Kết thúc năm 2022, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,15% so với năm trước, hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% của Quốc hội. Tuy nhiên, CPI bình quân hàng tháng có xu hướng tăng dần so với cùng kỳ năm trước, cho thấy vẫn cần có những giải pháp thích hợp để kiểm soát lạm phát trong tương lai.

Trong quá trình điều hành hoạt động, Ban Lãnh đạo Công ty luôn theo sát và nắm bắt kịp thời tình hình kinh tế cũng như giám sát diễn biến của thị trường để phân tích, đánh giá nhằm đưa ra các chiến lược, quyết sách kịp thời nhằm giảm thiểu rủi ro. Điều này đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, công nghệ, ... và khả năng phân tích, đưa ra quyết định chính xác, hợp lý. Đồng thời, Ban Lãnh đạo còn sẵn sàng xem xét đánh giá lại và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với thực tế thị trường, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định, nâng cao hiệu quả kinh doanh và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.



Rủi ro nguồn nhân lực

Ngành vận tải biển là một ngành có đặc thù riêng, đòi hỏi nguồn nhân lực được đào tạo chuyên sâu cũng như tích lũy kinh nghiệm liên tục và lâu dài. Tuy nhiên, đối mặt với sự xuất hiện liên tục của các doanh nghiệp cùng ngành, cùng với mức thu nhập hấp dẫn từ các hãng tàu biển quốc tế chạy đường dài, nguồn nhân sự trong ngành vận tải biển luôn trong tình trạng khan hiếm, cạnh tranh cao. Trước thực trạng đó, Công ty đặc biệt quan tâm đến chính sách phúc lợi, đãi ngộ, đào tạo và môi trường làm việc ổn định, lâu dài, cạnh tranh. Chính sách này được thiết kế nhằm thu hút và giữ chân người lao động có trình độ chuyên môn cao, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong thị trường vận tải biển. Ngoài ra, việc đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân sự cũng giúp Công ty đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.



Rủi ro thời tiết

Vận tải đường thủy là một ngành kinh doanh phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tự nhiên như thời tiết, đặc biệt là các hiện tượng mưa, bão, lũ lụt, và nhiều yếu tố khác. Các yếu tố này ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh của hoạt động vận tải, bao gồm lịch trình, tần suất khai thác, an toàn, tiêu hao nhiên liệu và trải nghiệm của khách hàng. Đặc biệt, với sự biến đổi khí hậu hiện nay, các yếu tố tự nhiên trở nên cực đoan hơn và diễn biến phức tạp, gây ra nhiều thách thức và rủi ro cho các doanh nghiệp vận tải đường thủy. Việc đảm bảo an toàn cho hành khách luôn luôn là yếu tố được ưu tiên hàng đầu.

Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định về an toàn, sẵn sàng ứng phó nhanh chóng và đảm bảo trang bị đầy đủ các trang thiết bị an toàn cũng như đào tạo đội ngũ thuyền viên đáp ứng các yêu cầu theo quy định. Bên cạnh đó, việc cải tiến, cải tạo, nâng cao chất lượng và an toàn cho đội tàu cũng là một yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả và cạnh tranh cho doanh nghiệp trong ngành. Các chính sách quản lý an toàn cũng được thực hiện nghiêm ngặt; bao gồm: mua bảo hiểm cho thân tàu và hành khách, thuyền viên, cảnh báo và yêu cầu chấp hành nghiêm túc các quy định về an toàn hàng hải đối với hành khách.

Rủi ro cạnh tranh

Môi trường kinh doanh trong lĩnh vực du lịch biển đảo ngày càng phát triển, cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Tuy nhiên, đây cũng là một thử thách và động lực để Công ty - một doanh nghiệp trưởng thành và có uy tín, tiếp tục phát triển và nắm bắt cơ hội. Sự tăng trưởng đột biến của ngành du lịch biển đảo, cùng với sự minh bạch và hoàn thiện của môi trường kinh doanh, đã tạo ra sự đa dạng hóa về các tên tuổi trong ngành.

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang, sau 20 năm hoạt động và đạt được nhiều thành tựu, đã khẳng định được vị thế của mình như là một thương hiệu uy tín, tin cậy với khách hàng. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng và thay đổi của thị trường, Công ty luôn chủ động đưa ra các chiến lược và giải pháp tiên phong để vươn lên dẫn đầu thị trường. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng nhận thức được tầm quan trọng của cạnh tranh trong việc phát triển và định hướng tương lai của mình.



Rủi ro giá nguyên nhiên liệu đầu vào

Vào ngày 24/02/2022, xung đột giữa Nga và Ukraina đã xảy ra và kéo dài đến hiện nay, tạo ra các ảnh hưởng mạnh mẽ về mặt kinh tế, chính trị trên toàn thế giới. Trước tình hình này, Mỹ, Liên minh Châu Âu cùng nhiều quốc gia trên thế giới đã đưa ra các biện pháp cấm vận kinh tế, chính trị đối với Nga - một trong những quốc gia sản xuất và cung cấp dầu mỏ lớn nhất thế giới. Hậu quả của việc đó là các thị trường tài chính, tiền tệ, vận tải, nguyên vật liệu, nhiên liệu trong đó có dầu mỏ trên toàn cầu đã bị tác động mạnh. Cuộc khủng hoảng nguồn cung dầu mỏ và biến động giá dầu đã xảy ra năm 2022 tại nhiều quốc gia trên thế giới với nhiều mức độ ảnh hưởng khác nhau.

Dầu DO là nguồn nhiên liệu chủ yếu của Công ty, chiếm khoảng 50% chi phí kinh doanh chính. Sự biến động giá dầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận gộp cũng như lợi nhuận sau thuế của Công ty. Dù vậy, Công ty đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác bền vững với các nhà cung cấp nguồn nhiên liệu hàng đầu tại địa phương để đảm bảo mức giá hợp lý cho nguồn nhiên liệu của mình. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các hoạt động điều phối tàu khoa học, linh hoạt đồng thời cải tiến đội tàu để tiết kiệm nhiên liệu và tối ưu hóa lợi nhuận; bao gồm sử dụng các công nghệ tiên tiến để cải thiện hiệu suất đốt cháy và giảm khí thải, đầu tư vào các tàu mới cũng như cải tiến tàu cũ để tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu và đảm bảo sự an toàn cho hoạt động vận tải của Công ty.

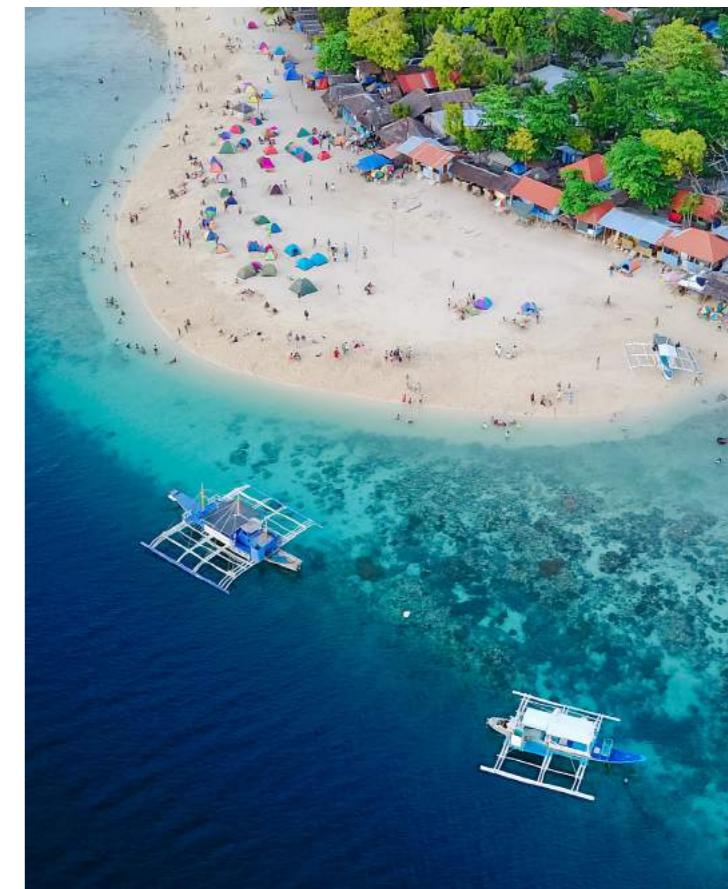
Rủi ro pháp luật

Là công ty cổ phần được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán và hoạt động dưới sự điều chỉnh của nhiều luật, bao gồm: Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Hàng hải, Luật về thuế xuất nhập khẩu và nhiều luật khác. Những luật này đang trong giai đoạn hoàn thiện và cần trải qua nhiều lần thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung để đáp ứng với môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp hơn. Điều này đòi hỏi Công ty phải chủ động cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất và nắm rõ các quy định hiện hành để thực hiện tốt, đáp ứng các yêu cầu của Chính phủ và các cơ quan quản lý nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng các quy định pháp luật, tránh những rủi ro đáng tiếc về pháp lý.

Rủi ro bất khả kháng

Công ty đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau trong hoạt động kinh doanh, bao gồm cả những tác động bất khả kháng từ các yếu tố tự nhiên và xã hội. Các rủi ro này có thể bao gồm các thiên tai, dịch bệnh, sự cố cháy nổ, ảnh hưởng từ các vấn đề chính trị và biến đổi khí hậu, thủy văn và nhiều yếu tố khác. Mặc dù tần suất xảy ra của những rủi ro này khá thấp, nhưng chúng có thể gây ra thiệt hại đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp để đảm bảo an toàn cho nhân viên và tài sản, đồng thời đảm bảo hoạt động kinh doanh được thực hiện liên tục, tránh được các tổn thất không đáng có. Các biện pháp này bao gồm việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn, đồng thời thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết và xã hội. Ngoài ra, Công ty cũng tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết để bảo vệ quyền lợi của Công ty, cổ đông, khách hàng và đối tác. Tất cả các biện pháp này giúp Công ty đối phó với những rủi ro trong hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả và đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra xuyên suốt, liên tục.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ
CỦA CHỦ SỞ HỮU



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022 là một năm đánh dấu sự hồi sinh của Công ty sau đại dịch Covid - 19. Doanh thu thuần của Công ty đạt 409.850 triệu đồng, tăng 145,19% so với năm 2021 có nền kinh tế suy thoái do dịch bệnh. Trong đó, doanh thu Quý 2 tăng cao nhất trong bốn quý, đạt mức tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm 2021. Điều này có thể giải thích bằng việc, dịch Covid - 19 đã được kiểm soát tốt, chiến lược giữ vững sự ổn định trong tình hình dịch bệnh của Công ty đã phát huy hiệu quả giúp cho hoạt động kinh doanh nhanh chóng khôi phục trong tình hình mới; đồng thời, các chính sách hỗ trợ cho du lịch được ban hành.

Các hoạt động này đã giúp Công ty phục hồi lượng khách trong Quý 2 và đạt được kết quả kinh doanh tốt. Việc tái khởi động tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo cũng góp phần giúp phục hồi kết quả kinh doanh của Công ty. Kết quả này tạo đà cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 và mang lại triển vọng tích cực cho tương lai.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	TH 2022/ TH 2021	TH 2022/ KH 2022
Vốn điều lệ	633.317	633.317	633.317	100,00%	100,00%
Doanh thu thuần	167.159	361.150	409.850	245,19%	113,48%
Lợi nhuận sau thuế	(38.539)	18.518	42.977	-	232,08%

Trong năm 2022, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tốt hơn rất nhiều so với năm 2021 và đạt được mức tăng trưởng vượt xa so với kế hoạch đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt mức 42.977 triệu đồng và đạt 232,08% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã đặt ra. Những nguyên nhân chủ yếu của thành công này đến từ việc phục hồi của ngành du lịch trong cả nước và trên toàn thế giới sau khi kiểm soát được đại dịch Covid - 19. Ngoài

ra, Công ty đã tránh được các biến động về lãi suất bằng cách sử dụng đa phần nguồn vốn tự có, không vay nợ, tự chủ tài, không thuê ngoài, từ đó giúp cho Công ty có được một nền tảng tài chính vững chắc và ổn định. Mặc dù vẫn còn nhiều thách thức và khó khăn, nhưng kết quả này sẽ tạo động lực cho Công ty tiếp tục duy trì và phát triển trong tương lai. Kết quả này có được từ quyết tâm của toàn thể Ban Lãnh đạo và các cán bộ, công nhân viên của Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng giảm
Doanh thu thuần	167.159	409.850	145,19%
Lợi nhuận trước thuế	(38.539)	47.907	-
Lợi nhuận sau thuế	(38.539)	42.977	-

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU TỪNG TUYẾN

Đvt: đồng

Khoản mục	Năm 2021		Năm 2022		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc	21.295.181.267	12,74%	81.924.074.722	19,99%	284,71%
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	67.647.001.404	40,46%	151.184.372.073	36,88%	123,49%
Tuyến Rạch Giá – Nam Du	19.001.866.315	11,37%	45.959.623.421	11,23%	141,87%
Tuyến Rạch Giá – Lại Sơn	16.343.438.483	9,78%	48.471.334.850	11,83%	196,58%
Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo	17.805.110.123	10,66%	26.167.112.201	6,38%	46,96%
Phà	3.907.975.143	2,34%	1.251.484.537	0,3%	(67,98%)
Tuyến Phan Thiết – Phú Quý	18.700.601.147	11,19%	52.153.936.813	12,72%	178,89%
Tuyến Nam Du – Phú Quốc	941.846.281	0,56%	-	-	-
Tuyến Phú Quốc – Thổ Châu	-	-	1.547.474.756	0,38%	-
Tuyến Rạch Giá – Hòn Nghệ	842.914.158	0,51%	-	-	-
Bến tàu Trần Đề	233.747.272	0,14%	280.007.414	0,07%	19,79%
Xe trung chuyển	439.427.295	0,25%	910.290.573	0,22%	107,15%

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP TỪNG TUYẾN

Đvt: đồng

Khoản mục	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng giảm
Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc	(2.996.379.875)	24.097.741.081	-
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	13.971.434.912	49.121.705.883	251,59%
Tuyến Rạch Giá – Nam Du	1.714.244.420	11.671.766.149	580,87%
Tuyến Rạch Giá – Lại Sơn	(3.821.625.551)	13.362.710.479	-
Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo	(2.731.148.916)	(238.134.961)	-
Phà	(10.220.651.317)	(10.065.162.927)	-
Tuyến Phan Thiết – Phú Quý	(1.778.321.005)	10.814.857.263	-
Tuyến Nam Du – Phú Quốc	(1.092.620.056)	(266.572)	-
Tuyến Phú Quốc – Thổ Châu	-	543.651.187	-
Tuyến Rạch Giá – Hòn Nghệ	(1.698.655.224)	-	-
Bến tàu Trần Đề	(2.174.888.520)	(2.267.313.824)	-
Xe trung chuyển	(1.560.465.141)	(1.552.914.516)	-

STRATEGY

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm TGD
5	Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán
6	Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT không điều hành
7	Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán



Bà Hà Nguyệt Nhi - Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Ngày sinh: 12/09/1981
+ Trình độ chuyên môn: - Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp;
- Kế toán doanh nghiệp thực hành do Viện quản trị doanh nghiệp cấp ngày 14/02/2004.

+ Quá trình công tác
2003 – 2007: Nhân viên Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang.
2008 – 2009: Phó Phòng Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
2010 – 2011: Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
04/2011 – 04/2014: Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
2012 – 04/2014: Giám đốc Hành chính – Nhân sự CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
04/2014 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.780.166 cổ phần, chiếm 7,55% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu: 4.780.166 cổ phần, chiếm 7,55% vốn điều lệ.

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
Bà Vương Lục Muội	Mẹ	356	0,00%
Ông Hà Vĩ Bân	Anh trai	34.538	0,05%

Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Ngày sinh: 07/04/1986
+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật Kinh tế

+ Quá trình công tác
Từ 2010 – 04/2018: Thành viên BKS CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
Từ 04/2018 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 14.844 cổ phần, chiếm 0,023% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu: 14.844 cổ phần, chiếm 0,023% vốn điều lệ.

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
Ông Âu Chí Toàn	Chồng	6.483	0,01%

Ông Puan Kwong Siing - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- + Ngày sinh: 14/06/1965
 + Trình độ chuyên môn: Có kinh nghiệm nhiều năm về điều hành và quản trị doanh nghiệp.
- + Quá trình công tác
 1987 – 1989: Thủ quỹ Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD.
 1994 – 1999: Giám sát viên Công ty Jana Seribu Shipbuilding SDN.BHD.
 1990 - 05/2014: Giám đốc Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD và Trillion Leader SDN.BHD.
 1990 - nay: Thành viên HĐQT Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD.
 2008 – 2009 Cố vấn Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
 2010 đến nay • Tổng Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang;
 • Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD.
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 10.470.757 cổ phần, chiếm 16,53% vốn điều lệ .
 Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
 Cá nhân sở hữu: 10.470.757 cổ phần, chiếm 16,53% vốn điều lệ.
 + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không.
 + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
Ông Eric Yee Kuok Eng	Anh rể	200	0,00%
Ông Bruce Ting Siaw Lung	Em rể	9.310	0,01%
Ông Puan Chiong	Anh trai	3.075.075	4,86%
Ông Puan Kiong Sii	Anh trai	1.157.002	1,83%
Bà Kong Mee Ling	Chị dâu	300.606	0,47%
Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD	Công ty mà NNB là Thành viên HĐQT	2.265.812	3,58%

Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ - Thành viên HĐQT không điều hành

- + Ngày sinh : 12/03/1957
 + Trình độ chuyên môn : - Cử nhân Sử;
 - Cử nhân Ngoại ngữ;
 - Cao cấp chính trị;
 - Quản lý kinh tế.
- + Quá trình công tác:
 1975 – 1987: Công tác tại Sở Văn hóa Thông tin TP. HCM.
 1988 - 2012:
 • Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam;
 • Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch TP. HCM;
 • Ủy viên thường vụ Hiệp hội Công thương TP. HCM;
 • Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Đoàn Chủ tịch trung ương Hội liên hiệp phụ nữ VN khóa 7, 8, 9, 10, 11, 12;
 • Giám đốc Công ty Du lịch Hòa Bình.
 2004 đến nay: Chủ tịch HĐQT Du lịch Thương mại Hòa Giang.
 2012 đến nay:
 • Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam;
 • Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang;
 • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hòa Bình - Phú Quốc.
 2016 đến nay:
 • Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh;
 • Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 • Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam;
 • Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Thương mại Hòa Giang;
 • Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình - Phú Quốc;
 • Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình - Hàm Ninh;
 • Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 640.008 cổ phần, chiếm 1,011% vốn điều lệ.
 Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
 Cá nhân sở hữu: 640.008 cổ phần, chiếm 1,011% vốn điều lệ.
 + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không.
 + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không.



Bà La Xuân Đào - Thành viên HĐQT độc lập kiêm TV UBKT

+ Ngày sinh: 10/07/1959
+ Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế.
+ Quá trình công tác:
Từ 1983 - 1998: Giảng viên, Phó Trưởng bộ môn Kế toán – Tài chính – Ngân hàng Trường Đại học Cần Thơ.
Từ 1998 – 2002: Chuyên viên tư vấn Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán AFC Saigon.
Từ 2003 - 2010: Giảng viên, Trưởng bộ môn Kế toán Kiểm toán Đại học Quốc gia TP. HCM.
Từ 2011 - 2012: Phó Trưởng khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG TP. HCM.
Từ 2012 - 2014: Trưởng khoa, Trưởng bộ môn Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG TP. HCM.
Từ 2014 đến nay: Trưởng ban BKS Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP. HCM (ITC)
Từ 2015 - 2017: Trưởng bộ môn Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG TP. HCM.
Từ 2017 - 07/2019: Giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG TP. HCM.
Từ 04/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Từ 03/2022 - nay: Thành viên Ủy ban kiểm toán Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Từ 8/2019 - 12/2019: Nghỉ hưu theo chế độ.
Từ 1/2020 - nay: Giảng viên bán cơ hữu Trường Đại học Mở TP. HCM.

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giảng viên bán cơ hữu Trường Đại học Mở TP. HCM; Trưởng ban BKS Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP. HCM (ITC).

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không.
+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không.

Ông Tăng Siêu Tâm - Thành viên HĐQT không điều hành

+ Ngày sinh: 07/11/1990
+ Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ ngành Thương mại;
- Cử nhân Kinh tế tài chính – Chuyên ngành Phân tích tài chính.
+ Quá trình công tác:
Từ 14/09/2015 - 18/03/2016: Chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân Công ty Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSC)
Từ 18/07/2016 - 01/08/2018: Chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân Công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI).
Từ 16/08/2018 - 31/01/2019: Chuyên viên phân tích Quỹ đầu tư Phoenix Capital.
Từ 04/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Từ 01/03/2019 - nay: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Phương Thịnh.

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Phương Thịnh.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không
+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không.

Ông Phan Hồng Phúc - TV HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT

+ Ngày sinh: 12/01/1980
+ Trình độ chuyên môn: - Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán;
- Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng;
- Chứng nhận bồi dưỡng Kiểm toán viên.
+ Quá trình công tác:
Từ 2003 – 2005: Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Trung lập.
Từ 2006 – 2007: • Kế toán trưởng Công ty TNHH SX TM DV Rông Lửa;
• Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhật.
Từ 2008 – 2015: • Kế toán trưởng Công ty TNHH May Effort;
• Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ;
• Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhật.
Từ 2016 đến nay: • Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam);
• Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.
Từ 04/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Từ 05/2018 - nay: Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam).

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không.
+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CƠ CẤU CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ
1	Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc.
2	Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc.
3	Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng.

Ông Puan Kwong Siing - Tổng Giám đốc

(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty).

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng - Phó Tổng Giám đốc

+ Ngày sinh: 13/08/1979
+ Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.
+ Quá trình công tác:
2001 - 2007: Quản lý sản xuất tại Công ty Lead Well Industrial Việt Nam.
2008 - 2010: Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty TNHH Quốc tế Hân Hoan.
2011 - 05/2016: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
06/2016 - nay: Phó TGD Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 33.101 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu: 33.101 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không.
+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
Ông Nguyễn Văn Bột	Cha ruột	356	0,00%
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Mẹ ruột	356	0,00%
Ông Võ Quang Lộc	Chồng	356	0,00%
Ông Nguyễn Văn Lợi	Em rể	139.790	0,22%
Ông Nguyễn Thanh Phong	Em	356	0,00%

Bà Bùi Thị Hồng Đào - Kế toán trưởng

+ Ngày sinh: 22/10/1984
+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
+ Quá trình công tác:
06/2007 – 05/2009: Kế toán Tổng hợp kiêm Kế toán trưởng CTS Software.
06/2009 – 04/2014: Trưởng phòng Kế toán TKM Group (gồm 3 Công ty và 1 Cửa hàng).
• Công ty Cổ Phần Chúng Ta Đẹp;
• Công ty TNHH Toàn Phúc;
• DNTN TM Thiện Kim;
• Cửa hàng Hưng Thuận.
05/2014 – 08/2018: Kế toán trưởng tại YouNet Group (gồm 6 Công ty và 1 Văn phòng).
• Công ty Cổ Phần YouNet;
• Công ty Cổ Phần YouNet Media;
• Công ty Cổ Phần YouNet Social Intranet;
• Công ty Cổ Phần YouNet Digital;
• Công ty Cổ Phần Buzz Metrics;
• Công ty Cổ Phần Smart City;
• Văn phòng tại US - YouNet LLC.
09/2018 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không.
+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không.



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

Trong năm 2022, Công ty không có sự thay đổi trong Ban Điều hành.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022	Tỷ lệ
Số lượng cán bộ, công nhân viên (người)	322	100%
Theo trình độ chuyên môn		
Trình độ Đại học và trên Đại học	105	32,60%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	78	24,20%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	94	29,20%
Lao động phổ thông	45	14%
Theo giới tính		
Nam	229	71,12%
Nữ	93	28,88%
Theo thời hạn hợp đồng lao động		
Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	4	1,20%
Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	104	32,30%
Hợp đồng không xác định thời hạn	214	66,50%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	339	322
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.488.062	12.095.478

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Để đáp ứng sự phát triển không ngừng của Công ty trong thời gian qua, nguồn nhân lực luôn được quan tâm bồi dưỡng nhằm phù hợp với nhu cầu của Công ty và tuân thủ các quy định có liên quan. Công ty rất chú trọng đào tạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân viên, thuyền viên nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo về quản lý, tư vấn, giám sát, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng bổ trợ khác ... nhằm phục vụ và đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công việc. Do đó, Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên, thuyền viên có tuổi đời bình quân trẻ, được đào tạo chính quy, bài bản về chuyên môn, có kiến thức tương đối toàn diện để phục vụ tốt hơn trong công việc phụ trách, có khả năng thích nghi nhạy bén với xu thế mới và mang tính hội nhập cao.

Chính sách an toàn, bảo hộ lao động

Nhân viên, thuyền viên làm việc tại Công ty đều được trang bị đầy đủ các công cụ, dụng cụ và các phương tiện để hoàn thành công việc bao gồm 03 bộ đồng phục /năm/nhân viên, được đào tạo về an toàn lao động, thường xuyên tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nghiệp vụ PCCC, trang bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động cần thiết. Văn hóa làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm, tạo cơ hội phát triển bản thân đầy đủ và các điều kiện làm việc an toàn khác. Hàng năm, Công ty tổ chức khám, kiểm tra sức khỏe tổng quát định kỳ cho toàn thể nhân viên, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nhân viên theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó để bảo vệ người lao động, tránh những rủi ro có thể xảy ra, hàng năm Công ty đều mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển (P&I) cho tất cả người trên tàu (bao gồm hành khách và người lao động làm việc trực tiếp trên tàu/phà).

Chính sách tuyển dụng

Con người chính là nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất trong mỗi tổ chức. Chất lượng nhân sự quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp. Nhận thức được điều này, Công ty luôn luôn chú trọng đến chính sách nhân sự. Tuyển dụng người tài, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, coi yếu tố con người là trọng tâm chính là một trong những mục tiêu hàng đầu của Công ty. Các chính sách về nhân sự luôn đảm bảo điều kiện làm việc và các chế độ phúc lợi, đãi ngộ tốt nhất cho Cán bộ - Nhân viên.

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

Công đoàn Công ty sẽ chăm lo đời sống cho người lao động tham gia tổ chức Công đoàn, thông qua các chính sách thăm hỏi người lao động như động viên trong các trường hợp nhân viên, gia đình có người ốm; tặng quà cho nhân viên khi cưới hỏi; tặng quà cho nhân viên nữ nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho con em cán bộ, nhân viên nhân ngày 1/6, trung thu, quà tặng nhân dịp sinh nhật, quà tết ...

Không chỉ được đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi nhất để nâng cao trình độ, cải thiện kỹ năng cũng như có cơ hội phát triển nghề nghiệp mà các CBNV làm việc tại Công ty còn được hưởng các chế độ đãi ngộ và phúc lợi khác như: Chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ theo thị trường lao động, trình độ, năng lực, vai trò, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế tại đơn vị, kết quả công việc của người lao động. Công ty còn xây dựng và tổ chức thực hiện quy định khen thưởng của Công ty luôn kịp thời, có hiệu quả. Các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc định kỳ hoặc đột xuất đều được công nhận và khen thưởng xứng đáng, công bằng, công khai. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật lao động về các chế độ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

LƯƠNG BÌNH QUÂN

Năm	Lương bình quân (đồng)	Tỉ lệ tăng/giảm (%)	Giải trình
2019	10.166.058	7,90%	Năm 2019 là năm hoạt động gặp nhiều khó khăn từ cạnh tranh với những hãng tàu khác, bão và sóng gió liên tục gây thiệt hại về doanh thu nhưng vì yếu tố cạnh tranh về nhân sự và khan hiếm lao động, lương của nhân viên Công ty vẫn tăng từ 7 - 15%. Số lượng nhân sự tăng 1,3% so với năm 2018 nhằm đáp ứng cho hoạt động của bến cảng Trần Đề và chuẩn bị nhân sự cho phà cao tốc mới.
2020	10.800.857	6,24%	Năm 2020 là năm chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh và thiên tai làm cho nhu cầu du lịch giảm đáng kể, tình hình hoạt động kinh doanh càng khó khăn hơn, nhưng vì yếu tố cạnh tranh về nhân sự và khan hiếm lao động, cộng thêm sự ra đời của Thông tư số 03/2020/TT-BGTVT, trong đó tăng thêm 02 thuyền viên cho mỗi tàu, cụ thể là bổ sung thêm chức danh đại phó và máy hai làm cho sự khan hiếm và cạnh tranh về lao động gia tăng. Vì vậy, lương của nhân viên Công ty tăng từ 4 - 15% nhưng số lượng giảm 1% so với năm 2019 chủ yếu là nhân viên Khối Kinh doanh.
2021	9.842.806	(8,87%)	Năm 2021, Công ty tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid - 19. Chính phủ đã chỉ thị thực hiện nghiêm giãn cách xã hội, ai ở đâu thì ở yên tại đó suốt 03 tháng liền (từ tháng 07/2021 đến hết tháng 9/2021); Công ty đã phải áp dụng biện pháp điều chỉnh lương, tạm hoãn thực hiện HĐLĐ làm cho mức lương bình quân của người lao động bị sụt giảm.
2022	12.095.478	22,89%	Năm 2022, hoạt động kinh doanh của Công ty dần ổn định trở lại sau biến động của dịch Covid - 19. Tuy nhiên, số lượng nhân viên của Công ty giảm so với năm 2021 do lượng khách quốc tế và nội địa suy giảm đã ảnh hưởng đến giảm nhu cầu về nhân lực của Công ty, chủ yếu là các vị trí không yêu cầu cao về chuyên môn hay kinh nghiệm. Điều đó dẫn đến việc mức lương bình quân của người lao động tăng 22,89% so với năm 2021.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Nhằm triển khai chiến lược kinh doanh trung và dài hạn để gia tăng vị thế của doanh nghiệp đầu ngành cũng như tiếp tục mở rộng kinh doanh ra các thị trường tiềm năng trong và ngoài nước; Công ty đã, đang và sẽ tiến hành theo các dự án đã được phê duyệt như sau:

- Đại dịch Covid - 19 đã gây ảnh hưởng lớn đến tình hình đầu tư, cũng như thực hiện dự án của Công ty: (1) Đối với việc đóng phà cao tốc thay thế tàu cao tốc, hiện Công ty đang nghiên cứu kỹ lưỡng sự phục hồi nhu cầu của hành khách nhằm đảm bảo khai thác tối ưu các công năng của phà này. Riêng phà cao tốc cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, tuy đã hoàn thành nhưng chưa thể đưa vào khai thác do chưa có bến bãi đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; Công ty đang tìm giải pháp tháo gỡ cho trường hợp này. (2) Bến Trần Đề đã hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào khai thác nhưng vẫn chưa thực sự phát huy được tiềm năng của bến do cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp kiểm dịch gắt gao đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới tần suất khai thác của tuyến Sóc Trăng (Trần Đề) – Côn Đảo. Thời gian qua, Công ty đã phải ngưng việc tiếp tục đầu tư các giai đoạn tiếp theo của bến này. Dự kiến, khi tần suất khai thác đi vào ổn định và nhu cầu gia tăng hơn nữa. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào các hạng mục còn lại của dự án. (3) Các tuyến mới phục vụ chủ yếu cho nhu cầu du lịch của khách hàng như Phú Quốc – Nam Du, Rạch Giá – Hòn Nghệ đã bị ngưng thời gian qua do dịch; dự kiến, Công ty sẽ tái khởi động lại các tuyến này sau khi có kết quả khảo sát thị trường khả quan hơn. (4) Sau một thời gian hoạt động cầm chừng, tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc đã ngưng hoạt động. Hiện, Công ty đã quyết định thanh lý hai phà của tuyến này cho đối tác là Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD;
- Để nâng cao khả năng cạnh tranh của đội tàu cao tốc Superdong, Công ty đã thông qua kế hoạch hoán cải các tàu cao tốc Superdong IX, X, XI, XII. Hiện, việc hoán cải này đang được triển khai theo đúng kế hoạch đề ra;
- Công ty đang bước đầu triển khai các công việc nhằm triển khai kế hoạch mở tuyến mới Tp.HCM – Vũng Tàu trong thời gian tới.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: triệu đồng

Chi tiêu	2021	2022	% 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	811.533	857.093	105,61%
Doanh thu thuần	167.159	409.850	245,19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(39.719)	47.157	-
Lợi nhuận khác	1.182	750	63,44%
Lợi nhuận trước thuế	(38.539)	47.907	-
Lợi nhuận sau thuế	(38.539)	42.977	-

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chi tiêu	ĐVT	2021	2022
Chi tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	27,25	31,11
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	24,59	28,87
Chi tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	1,30	1,53
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,31	1,55
Chi tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,41	10,96
+ Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,20	0,49
Chi tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	(23,06)	10,49
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	(4,61)	5,23
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	(4,54)	5,15
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (ROIC)	%	(23,76)	11,51

THÔNG TIN TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2022, các hệ số về khả năng thanh toán ghi nhận tăng so với cùng kỳ năm 2021. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tăng lần lượt từ 27,25 và 24,59 lần lên 31,11 và 28,87 lần, tăng 13,68% và 16,85% so với năm 2021. Biến động lớn của khoản tài sản ngắn hạn ghi nhận ở khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng, ghi nhận 206.395 triệu đồng, tăng 81,11% so với năm 2021. Do đặc thù Công ty chuyên cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách theo tuyến cố định nên các khoản nợ ngắn hạn của Công ty không quá lớn và chủ yếu là các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp và cán bộ, công nhân viên. Các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty luôn duy trì ở mức rất cao và được đảm bảo. Công ty hiện tại vẫn giữ được nguồn lực tài chính đáng kể và không có nợ dài hạn. Điều này đóng góp đáng kể vào việc đảm bảo tính chủ động trong hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Công ty đã ghi nhận một sự tăng nhẹ về cơ cấu vốn, cụ thể là Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2022 là 1,53% và 1,55%, tăng 17,92% và 18,20% so với năm 2021. Tuy nhiên, Công ty tiếp tục thực hiện quan điểm cần trọng trong việc sử dụng đòn bẩy, tập trung sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu thay vì sử dụng nguồn nợ dài hạn. Hiện tại, Công ty không có nợ dài hạn và khoản nợ ngắn hạn là 13.111 triệu đồng, tăng nhẹ 24,54% so với năm 2021, chủ yếu do tăng khoản phải trả cho người lao động.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2022, vòng quay hàng tồn kho của Công ty đã tăng mạnh đáng kể so với năm trước, do giá vốn hàng bán tăng đến 75,08% và đạt mức 314.361 triệu đồng. Các mặt hàng tồn kho chủ yếu của Công ty bao gồm phụ tùng, dầu DO, nhiên liệu, vật liệu và hàng hóa phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh. Trong khi đó, vòng quay tổng tài sản không có nhiều biến động đáng kể, cho thấy Công ty đã duy trì được hiệu quả trong việc sử dụng tài sản và không có sự biến động quá lớn.

Chỉ số về khả năng sinh lời

Năm 2022, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đã ghi nhận mức tăng mạnh so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đều tăng mạnh lần lượt đạt 42.977 triệu đồng và 95.488 triệu đồng, tương ứng với tăng trưởng 211,52% và 870,75% so với cùng kỳ. Đồng thời, doanh thu thuần và tổng tài sản cũng đã ghi nhận sự tăng trưởng so với năm 2021 nhờ các ảnh hưởng tích cực của việc Việt Nam mở cửa du lịch trở lại và Công ty khai thác trở lại tuyến tàu Sóc Trăng – Trần Đề. Điều này đã đóng góp mạnh mẽ vào sự phục hồi và tăng trưởng kết quả kinh doanh của Công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH

63.331.735

cổ phiếu

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

63.331.735

cổ phiếu

CỔ PHIẾU QUỸ

0

cổ phiếu

SKG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 25/03/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	39.681.201	396.812.010.000	62,66%
1	Cá nhân	37.276.931	372.769.310.000	58,86%
2	Tổ chức	2.404.270	24.042.700.000	3,80%
II	Cổ đông nước ngoài	23.650.534	236.505.340.000	37,34%
1	Cá nhân	20.511.966	205.119.660.000	32,39%
2	Tổ chức	3.138.568	31.385.680.000	4,96%
Tổng cộng		63.331.735	633.317.350.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% theo Công văn số 3110/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25/05/2022 về Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THỜI ĐIỂM	VỐN ĐIỀU LỆ	HÌNH THỨC
2010	90,0 tỷ	Chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH sang CTCP.
2011	83,5 tỷ	Điều chỉnh Vốn điều lệ bằng đúng số vốn thực góp.
2011	108,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010.
2011	113,2 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu
2012	147,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011.
2012	171,3 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 1 bằng cổ phiếu.
2012	174,7 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 2 bằng cổ phiếu
2014	199,9 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013
2015	244,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và ESOP 2015.
2016	342,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015.
2017	479,8 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016.
2018	575,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017.
2019	633,3 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu quỹ nên trong năm 2022, Công ty không thực hiện bất kỳ giao dịch cổ phiếu quỹ nào.



B

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH
SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2023

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên với sự nỗ lực cao của toàn thể nhân viên Công ty kết hợp với việc thực thi các chiến lược kinh doanh phù hợp, thích ứng nhanh với thay đổi của môi trường, Công ty đã đạt được những kết quả tích cực, tình hình thiếu hụt nhân sự dần ổn định, tình hình kinh doanh đang dần hồi phục.

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	811.533	857.093	105,61%
Doanh thu thuần	167.159	409.850	245,19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(39.719)	47.157	-
Lợi nhuận khác	1.182	750	63,44%
Lợi nhuận trước thuế	(38.539)	47.907	-
Lợi nhuận sau thuế	(38.539)	42.977	-

Thuận lợi

- Trong năm 2022, đại dịch Covid - 19 đã được kiểm soát tốt hơn so với các năm trước. Cụ thể, ngành du lịch và nền kinh tế đang từ từ phục hồi và tăng trưởng trở lại, đây là một tín hiệu tích cực cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty;
- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Du lịch Việt Nam, trong năm 2022, số lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam sẽ đạt mức ước tính là 3,5 triệu lượt, cùng với số lượng khách du lịch nội địa ước đạt trên 101,3 triệu lượt. Tổng doanh thu từ ngành du lịch đạt mức 495 nghìn tỷ đồng. Hơn nữa, trong Lễ trao Giải thưởng Du lịch Thế giới khu vực Châu Á và Châu Đại Dương năm 2022, ngành du lịch Việt Nam đã giành được 16 giải thưởng, đồng thời củng cố thương hiệu, vai trò và vị thế của ngành du lịch Việt Nam trong khu vực và trên toàn thế giới. Những thành tựu đó đã tạo nên một bức tranh đầy màu sắc và hấp dẫn cho ngành du lịch Việt Nam vào cuối năm 2022;
- Việc phục hồi của thị trường du lịch quốc tế và nội địa đã trở thành động lực, giúp kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phục hồi và phát triển trở lại sau những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid - 19. Doanh thu thuần của Công ty tăng mạnh từ 167,16 tỷ đồng năm 2021 lên 409,85 tỷ đồng năm 2022, tăng 245,19%. Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng từ (38,54) tỷ đồng năm 2021 lên 42,98 tỷ đồng năm 2022. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty đang từng bước khôi phục, tạo đà cho việc tăng trưởng trở lại như các năm trước;
- Trong suốt quá trình hoạt động Công ty luôn luôn bám sát mục tiêu phát triển lâu dài ổn định và bền vững, Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị phù hợp để hoàn thành các kế hoạch đề ra:
 - + Xây dựng chính sách phúc lợi, lương, thưởng

ổn định nhằm duy trì, phát huy nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ thuyền viên đủ chất lượng với chuyên môn nghiệp vụ cao, am hiểu vùng biển đang khai thác, đội ngũ kỹ thuật am hiểu các máy móc thiết bị, chủ động xử lý các sự cố trong quá trình khai thác phương tiện, gần như không xảy ra các sự cố hư hỏng trên biển. Đội ngũ phục vụ viên tận tâm, nhiệt huyết, gắn bó lâu dài với Công ty, chăm sóc tốt hành khách đi tàu, đặc biệt là các tuyến có đặc thù thời tiết khắc nghiệt, sóng gió cao như tuyến Phan Thiết – Phú Quý, Sóc Trăng – Côn Đảo, Rạch Giá – Nam Du. Qua đó, gia tăng sự tin tưởng của khách hàng đối với các dịch vụ do Công ty cung cấp;

+ Duy trì sự ổn định trong khai thác tàu, đảm bảo sự kết nối xuyên suốt và ổn định giao thông từ đất liền đến các đảo và năm bắt được xu hướng thị hiếu của khách hàng do (1) Công ty chỉ dùng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hay khi điều kiện thời tiết không cho phép tàu hoạt động. (2) Xây dựng lịch trình ổn định nhưng khoa học, phù hợp với nhu cầu đi lại của hành khách, tránh lãng phí. (3) Thực hiện tốt công tác bảo trì bảo dưỡng, làm chủ kỹ thuật, Công ty đã duy trì tốc độ các tàu, với tốc độ vượt trội, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. (4) Nghiên cứu, tìm hiểu các kỹ thuật mới để thay đổi, nâng cấp, bổ sung thêm những công năng, tính năng mới đáp ứng các nhu cầu, thị hiếu, xu hướng mới của khách hàng.

- Bảng việc sử dụng hợp lý các nguồn lực Công ty đã kiểm soát tốt chi phí hàng hoá đầu vào, kiểm soát tốt việc thực hiện chiến lược tài chính, ngay cả trong tình trạng giá cả tăng đột biến trong dịch và sau dịch, đặc biệt là giá nhiên liệu. Năm 2022, tình hình nhiên liệu tăng cao và đột biến nhưng Công ty đã nhanh chóng đưa ra các chính sách phù hợp như điều chỉnh số chuyến hoạt động, điều chỉnh tốc độ khai thác, mặc dù số chuyến năm 2022 là 9.974 chuyến, tăng 175% so với năm 2021 nhưng số lượng nhiên liệu sử dụng bình quân năm 2022 chỉ tăng 165%;
- Đứng trước bối cảnh nhiều Công ty phải đối mặt với việc lãi suất ngân hàng tăng cao thì với đặc thù không sử dụng vốn vay nên Công ty không những không bị áp lực bởi việc tăng lãi suất của ngân hàng mà ngược lại còn được hưởng lợi từ việc này, thể hiện qua việc thu nhập tài chính năm 2022 của Công ty đạt 8,5 tỷ đồng;

- Do sớm ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thường nhật nên khi dịch bệnh xảy ra đột ngột, Công ty vẫn không bị động, ngược lại đã nhanh chóng thích ứng tốt với sự biến động nhanh và mạnh của nền KT - XH. Công ty tổ chức họp trực tuyến, quản lý, giám sát bằng hệ thống camera, phần mềm, xây dựng hoàn thiện và đưa vào hoạt động thành công hệ thống đặt vé trực tuyến, hệ thống hoá đơn điện tử, ứng dụng kiểm soát vé bằng mã QR code, xuất vé tự động, chuyển giao vé bằng hình ảnh thông qua email, ứng dụng Zalo, đưa vào vận hành máy Pos trong việc thực hiện các hoạt động phụ trợ của Công ty như dịch vụ vận chuyển hàng hoá, xe gắn máy, xe trung chuyển; từ đó, tiết kiệm chi phí phát hành và in ấn thẻ lên tàu, hoá đơn, các tài liệu và hồ sơ khác; việc đổi soát trở nên chuyên nghiệp, nhanh chóng hơn, hạn chế các tiêu cực, giảm thiểu các sai sót phát sinh, điều phối nhân sự dôi dư do việc ứng dụng máy móc thay thế sang phụ trách các công việc phát sinh khác mà không cần tuyển thêm nhân sự mới. Công ty còn hợp tác với các đối tác lớn như VN Pay, Momo, thanh toán bằng mã QR code, chuyển khoản, thẻ tín dụng ...đa dạng hoá và linh hoạt các phương thức thanh toán, tạo nhiều tiện lợi hơn cho khách hàng. Hợp tác với VN Pay khai thác và vận hành hệ thống đặt vé trực tuyến thông qua kênh phân phối trực tuyến của VN Pay;
- Rà soát, sàng lọc bớt các đại lý, kênh phân phối có năng lực thấp, mở rộng các đại lý, các kênh phân phối có tiềm năng khác, ban hành các chính sách thúc đẩy doanh số các đại lý tiềm năng mạnh.



Khó khăn

- Về nhân sự: Mặc dù đã dự báo được sự thiếu hụt thuyền viên do cạnh tranh và đã tuyển dụng cũng như đào tạo đội ngũ thuyền viên dự phòng nhưng Công ty chưa dự đoán được việc thuyền viên bị thu hút sang tàu hàng tuyến quốc tế do hệ quả của dịch Covid - 19 làm giảm số lượng thuyền viên của Công ty và sự thay đổi của chính sách pháp luật, cụ thể là tăng số lượng thuyền viên dẫn tới tình trạng thiếu thuyền viên, đặc biệt là các chức danh quản lý cấp cao như đại phó, và các chức danh máy;
- Về ảnh hưởng của dịch bệnh: (i) Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do chính sách kiểm soát dịch của UBND huyện Côn Đảo, Công ty phải hủy tổng cộng 352 chuyến trong 03 năm diễn ra Covid - 19, có những thời điểm tàu phải dừng hoạt động liên tiếp nhiều tháng. Hoạt động của tuyến này gặp nhiều khó khăn, Công ty phải tạm dừng đầu tư khu phức hợp cảng Trần Đề và dừng nguồn đầu tư để bù lỗ cho tuyến này. (ii) Chi phí đầu vào tăng cao, đặc biệt là giá nhiên liệu đã làm tăng chi phí vận tải do tắc nghẽn chuỗi cung ứng, khan hiếm hàng hóa, tất cả giá các chi phí đầu vào đều tăng cao. (iii) Ngày 12 tháng 05 năm 2022, tàu Superdong XII đang vận hành chuyên chở hành khách từ cảng Bãi Vòng về Hà Tiên thì gặp sự cố hỏng 01 máy. Với kinh nghiệm và năng lực của tổ máy và bộ phận kỹ thuật, tàu đã vận hành về bến Hà Tiên an toàn. Sau khi kiểm tra các chi tiết, tàu phải dừng hoạt động chờ nhập linh kiện chính hãng về thay thế. Do ảnh hưởng dịch Covid - 19, việc sản xuất và nhập khẩu linh kiện bị kéo dài đến nay. Hiện, tàu đang trong giai đoạn hoàn thiện việc thay thế, dự kiến sẽ hoàn tất các công đoạn cần thiết và đưa vào hoạt động trong tháng 03 năm 2023. Việc sửa chữa hư hỏng này được chi trả bởi công ty bảo hiểm;
- Về bến bãi: bến thủy nội địa Rạch Giá vẫn đang trễ tiến độ nên chưa có thời gian chính xác đưa phà cao tốc vào hoạt động. Ngoài ra, Công ty cũng gặp

khó khăn do cảng Bến Đầm đang trong giai đoạn sửa chữa, nâng công suất hoạt động làm cho tần suất hoạt động bị hạn chế do phải chia sẻ bến bãi với các doanh nghiệp cùng ngành, đặc biệt là vào mùa cao điểm hè năm 2022;

- Về cạnh tranh: tình hình cạnh tranh vẫn diễn ra gay gắt cả về hoạt động kinh doanh lẫn nhân sự, cạnh tranh giữa các tàu cao tốc trên tất cả các tuyến và phà cao tốc của tuyến Rạch Giá đối với các đối tượng khách hàng có nhu cầu vận chuyển xe gắn máy và xe du lịch sang Phú Quốc;
- Về chính sách của Nhà nước: ngoài quy định về kiểm soát dịch của UBND huyện Côn Đảo và quy định về tăng số lượng thuyền viên, thông tư mới hướng dẫn về việc xuất hoá đơn điện tử đã làm phát sinh thêm các chi phí có liên quan dù Công ty đã có sự chuẩn bị, chủ động trong vấn đề chuyển đổi. Thêm vào đó, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan khác cũng đã ban hành nhiều chính sách siết chặt hơn, làm tăng chi phí vận hành của doanh nghiệp;
- Về thời tiết: tình hình thủy triều, bão và áp thấp nhiệt đới có nhiều thay đổi hơn so với các năm, khó dự báo chính xác, Công ty đã phải hủy chuyến đột xuất và hoàn trả tiền lại cho khách.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN

Đvt: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	288.077	35,50%	407.840	47,58%
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	8.192	1,01%	10.821	1,26%
+ Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	113.960	14,04%	206.396	24,06%
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	127.337	15,69%	154.435	18,00%
+ Hàng tồn kho	27.999	3,45%	29.361	3,42%
+ Tài sản ngắn hạn khác	10.589	1,30%	6.827	0,80%
Tài sản dài hạn	523.456	64,50%	449.254	52,42%
+ Các khoản phải thu dài hạn	2.121	0,26%	945	0,11%
+ Tài sản cố định	491.912	60,62%	441.606	51,52%
+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	985	0,12%	898	0,10%
+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.000	2,46%	0	0,00%
+ Tài sản dài hạn khác	8.438	1,04%	5.805	0,68%
Tổng tài sản	811.533	100,00%	857.093	100,00%

Tổng tài sản của Công ty ghi nhận vào cuối kỳ là 857.093 triệu đồng, tăng 5,61% so với cùng thời điểm năm 2021. Về cơ cấu, có sự đối lập nhất định giữa sự tăng trưởng Tài sản ngắn hạn và Tài sản dài hạn. Trong khi Tài sản ngắn hạn ghi nhận mức tăng tới 41,57% thì Tài sản dài hạn lại giảm 14,18%. Đóng góp lớn nhất cho sự tăng trưởng Tài sản ngắn hạn đến từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. Cụ thể, khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn của Công ty đã tăng từ 113.960 triệu đồng tại ngày 31/12/2021 lên thành 206.396 triệu đồng vào cuối năm nay, tương ứng tăng 81,11%. Trong khi đó, việc Tài sản dài hạn giảm lại chủ yếu đến từ khấu hao tài sản cố định. Qua đó, phần lớn khoản giảm đến từ khấu hao các tàu đang có của Công ty, trong khi năm qua, Công ty không thực hiện đầu tư mua sắm thêm các tàu mới.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ phải trả	10.527	1,30%	13.111	1,53%
+ Nợ ngắn hạn	10.527	1,30%	13.111	1,53%
+ Nợ dài hạn	0	0,00%	0	0,00%
Vốn chủ sở hữu	801.005	98,70%	843.982	98,47%
+ Vốn CSH	801.005	98,70%	843.982	98,47%
+ Nguồn kinh phí và các quỹ khác	0	0,00%	0	0,00%
Tổng nguồn vốn	811.533	100,00%	857.093	100,00%

Đặc thù là doanh nghiệp dịch vụ hoạt động trong mảng vận tải hành khách nên nợ phải trả chỉ chiếm tỷ trọng rất thấp trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty, chỉ gần 1,53% và chủ yếu là các khoản mục nợ ngắn hạn. Nguồn vốn đầu tư đội tàu của Công ty lại hầu như đến từ nguồn vốn chủ sở hữu. Qua đó, hoạt động kinh doanh của Công ty không phải chịu áp lực về tài chính từ các khoản nợ. Đó cũng là nguyên nhân mà trong 02 năm dịch bệnh Covid - 19, kết quả kinh doanh dù không được thuận lợi nhưng Công ty vẫn có thể duy trì hoạt động của mình mà không có quá nhiều tác động xấu như những doanh nghiệp khác cùng hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Nhân sự

Công ty đang xây dựng chính sách tuyển dụng nhân sự và tạm ứng kinh phí để thuyền viên đi học các bằng cấp, nghiệp vụ liên quan cần thiết và phù hợp với hoạt động Công ty; đặc biệt, là các chức danh đang thiếu hụt, bổ sung đủ nguồn nhân sự cần thiết để đáp ứng việc vận hành khi đưa nhiều tàu hơn vào khai thác. Xây dựng các chính sách giữ nguồn nhân sự có kinh nghiệm và năng lực đảm bảo đủ số lượng và chất lượng cho hoạt động hiện tại của Công ty và mở rộng quy mô trong thời gian tới;

Phương tiện

Tăng cường và xây dựng đội ngũ kỹ thuật, chủ động xử lý các hư hỏng và đảm bảo công tác bảo trì bảo dưỡng, định kỳ đúng hạn, đảm bảo chất lượng và sự ổn định của phương tiện trong vận hành, tránh ảnh hưởng đến kế hoạch khai thác của các phương tiện;

Nghiên cứu

Điều chỉnh lịch khai thác vận hành các tàu phù hợp với nhu cầu và sở thích của khách hàng, bên cạnh đó, giảm thiểu chi phí vận hành nhất có thể;

Chi phí đầu vào

Liên kết chặt chẽ, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các nhà cung cấp chủ lực của Công ty; đồng thời, tìm thêm những nhà cung cấp chất lượng hơn, đảm bảo ổn định nguồn cung, giảm thiểu chi phí đầu vào.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2023

- Nâng cấp 04 tàu tốc độ cao để lần lượt đưa vào khai thác ở các tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, Hà Tiên – Phú Quốc, Rạch Giá – Nam Du. Đặc biệt, với tuyến trình Rạch Giá – Phú Quốc sẽ đảm bảo toàn bộ các tàu đều có tốc độ cao, đạt từ 28 đến 30 hải lý/giờ trong điều kiện thời tiết tốt. Duy trì vị thế trên các tuyến với tốc độ nhanh, chất lượng phục vụ chuyên nghiệp, lịch trình xuyên suốt, ổn định, giá cả cạnh tranh;
- Đầu tư mới 03 tàu SB đưa vào khai thác tuyến Hồ Chí Minh – Vũng Tàu;
- Khôi phục hoạt động tại một số tuyến đã khai trương trước đó như Phú Quốc – Nam Du, Rạch Giá - Hòn Nghệ;
- Mở rộng khai thác một số tuyến tiềm năng khác tại Kiên Giang và một số tỉnh thành khác;
- Tiếp tục khảo sát để mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty;
- Bổ sung một số ngành nghề phụ trợ phù hợp khác;
- Thanh lý 02 phà Superdong PI và PII, thu hồi nguồn vốn để tái đầu tư các tàu/phà khác có tính năng nổi trội, cạnh tranh cao, phù hợp với nhu cầu hành khách hơn.



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022, ngành du lịch Việt Nam đã bước đầu phục hồi sau chuỗi tác động tiêu cực suốt 2 năm của dịch bệnh Covid - 19. Theo thống kê từ Tổng cục Du lịch, trước khi chịu ảnh hưởng của dịch Covid - 19, lượng khách du lịch nội địa đã tăng trưởng ổn định qua từng năm và đạt đỉnh vào năm 2019 với tổng số lượt khách đạt 85 triệu người. Sau khi gỡ bỏ mọi hạn chế đi lại trong năm 2022, lượng khách du lịch nội địa cả năm đã đạt 101,3 triệu lượt, tăng đến 168,3% so với mục tiêu 60 triệu và vượt xa con số của năm 2019. Đặc biệt, trong ba tháng mùa hè, lượng khách đã đạt hơn 35 triệu người. Kết quả, doanh thu đạt 495.000 tỷ đồng, vượt 23% so với kế hoạch. Điều này có tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, bao gồm cả hoạt động của Công ty. Doanh thu và lợi nhuận đã tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, một phần nhờ vào sự hồi phục của toàn ngành du lịch thông qua việc đẩy mạnh quảng bá các địa điểm du lịch địa phương, kích thích nhu cầu du lịch nội địa của người dân và các chương trình khuyến mãi hấp dẫn từ doanh nghiệp trong ngành. Những nỗ lực này đã mang lại hiệu quả tích cực cho toàn ngành

và giúp cho Công ty vượt qua những khó khăn trong giai đoạn đại dịch.

Tuy nhiên, đối với năm 2023, các chuyên gia dự báo thị trường du lịch nội địa sẽ đối mặt với nhiều thách thức hơn do các nhu cầu về việc kết nối gia đình và nghỉ dưỡng sau thời gian giãn cách xã hội đã được đáp ứng trong năm 2022, dẫn đến khó khăn trong việc đạt được tăng trưởng nhanh chóng. Ngoài ra, tình hình kinh tế trong nước ở giai đoạn cuối năm 2022 sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch chi tiêu của người dân đối với hoạt động du lịch trong nửa đầu năm 2023 và có thể cả năm 2023, tạo ra thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành du lịch. Năm 2023, ngành du lịch Việt Nam đặt mục tiêu đón 110 triệu lượt khách, trong đó khoảng 102 triệu khách nội địa và 8 triệu lượt khách quốc tế, tổng thu từ du lịch đạt 650.000 tỷ đồng. Dự kiến, nhu cầu về du lịch sẽ được phục hồi từ từ và tiếp tục quay lại đà tăng trưởng như trước đại dịch Covid – 19. Đây cũng chính là cơ sở để Công ty đặt mục tiêu cũng như sự kỳ vọng về tăng trưởng, mở rộng hoạt động cho năm 2023 cùng các năm tiếp theo.

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2022, nhờ vào các quyết định kịp thời và chính xác của Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã đạt được kết quả hoạt động kinh doanh tương đương với mức doanh thu trước đại dịch Covid - 19 và hoàn thành vượt kế hoạch đã đề ra. Các chính sách ưu đãi như giảm giá vé khi đặt online và khuyến mãi trong các dịp lễ như 30/4 và 1/5 đã góp phần thu hút khách hàng. Ngoài ra, việc mở lại tuyến Sóc Trăng – Trần Đề cũng đã đóng góp vào tăng trưởng doanh thu cho Công ty.



Ban Tổng Giám đốc đã dốc hết sức để đạt được mục tiêu, nhiệm vụ được giao phó bởi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực và quyết tâm của Ban Điều hành cũng như toàn bộ nhân viên. Trong năm vừa qua, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hiệu quả các công việc liên quan đến tổ chức nhân sự, quản trị, đầu tư, quản lý tài chính thông qua các giải pháp điều hành thường niên, đảm bảo tính phù hợp và kịp thời. Những nỗ lực đó đã tạo điều kiện thuận lợi để toàn bộ nhân viên cống hiến hết mình trong công việc của mình.

KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm 2022 đã phản ánh rõ nét hiệu quả của chiến lược duy trì ổn định hoạt động của Công ty trong tình hình dịch bệnh kéo dài để kịp thời khôi phục và bắt kịp với các yêu cầu của tình hình mới. Dù vẫn phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức song kết quả kinh doanh của Công ty đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu so với năm 2021.
- Tiếp nối đà khôi phục này, năm 2023 và trong thời gian tới Công ty sẽ tập trung triển khai các kế hoạch đã, đang và sẽ tiến hành nhằm tiếp tục củng cố vị thế, sức mạnh của doanh nghiệp hàng đầu trong thị trường khai thác.
- Đối với các phương tiện vận tải: (1) Khảo sát thời điểm thích hợp để đưa phương tiện mới – phà cao tốc vào khai thác. (2) Thực hiện hoán cải, nâng cấp các tàu cao tốc và đưa vào vận hành theo phương án đã đề ra. (3) Nghiên cứu, đóng mới các dòng phương tiện mới phù hợp với các địa bàn khai thác trong hiện tại và tương lai.
- Đối với việc mở rộng địa bàn: khôi phục lại các tuyến Phú Quốc – Nam Du, Rạch Giá – Hòn Nghệ.

Triển khai kế hoạch mở tuyến mới TP. HCM – Vũng Tàu. Tiếp tục khảo sát các địa bàn khác phù hợp cả trong và ngoài nước.

- Đại dịch qua đi để lại nhiều hậu quả nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội, thách thức cho Công ty. Công ty luôn theo sát để nhanh chóng ra các quyết định nhằm ngăn ngừa, ứng phó với các khó khăn, rủi ro, đồng thời kịp thời nắm bắt xu hướng, cơ hội mới. Công ty sẽ tập trung phát huy sức mạnh của các lợi thế vốn có về thương hiệu, về các phương tiện vận chuyển, về nguồn nhân lực, về mạng lưới phân phối, về nền tài chính lành mạnh, về kinh nghiệm quản lý, điều hành, tận dụng ưu thế của các công cụ, phương tiện công nghệ thông tin nhằm vận hành doanh nghiệp thật tốt và hiệu quả; qua đó, chuyển đổi thành công sang chu kỳ phát triển mới của doanh nghiệp. Khi số lượng các phương tiện vận chuyển càng tăng lên thì nhu cầu làm chủ kỹ thuật, công nghệ này sẽ càng bức thiết hơn. Công ty dự kiến sẽ đầu tư phát triển đội ngũ kỹ thuật, vận hành tàu giàu kinh nghiệm, ngày càng chuyên nghiệp hơn để tiến tới có thể tự đóng mới các con tàu vừa hiện đại, tiện nghi lại tối ưu hóa được thời gian, chi phí đầu tư.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% KH 2023/ TH 2022
Vốn điều lệ (đồng)	633.317.350.000	633.317.350.000	100,00%
Doanh thu thuần (đồng)	409.849.711.359	477.619.495.231	116,54%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	42.977.070.896	72.171.347.994	167,93%
Cổ tức (%)	5%	5%	100,00%

(*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHĐCĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2022 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2023.



5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ỦY BAN KIỂM TOÁN

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm TGD
5	Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT độc lập kiêm thành viên UBKT
6	Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT không điều hành
7	Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	06	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	06	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	06	100%	
4	Ông Puan Kwong Siing	06	100%	
5	Bà La Xuân Đào	06	100%	
6	Ông Tăng Siêu Tâm	06	100%	
7	Ông Phan Hồng Phúc	06	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 phiên họp, trong đó có 06 phiên họp trực tiếp và 02 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2022/NQ-HĐQT	14/01/2022	- Lựa chọn công ty thực hiện dịch vụ về kiểm toán nội bộ; - Giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với tình hình của Công ty và tuân thủ đúng các quy định về kiểm toán nội bộ và các quy định khác có liên quan; đồng thời, báo cáo và/hoặc xin ý kiến HĐQT theo định kỳ hoặc khi cần.
2	02/2022/NQ-HĐQT	02/03/2022	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; - Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn thời gian, địa điểm tổ chức và chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
3	03/2022/NQ-HĐQT	24/03/2022	- Thông qua Báo cáo thường niên năm 2021; - Thông qua thời gian, địa điểm, nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; - Thông qua việc ký hợp đồng thuê văn phòng Công ty tại Hà Tiên; - Thông qua việc mua linh kiện và trang thiết bị phục vụ cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tàu; - Thông qua việc bổ nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán.
4	04A/2022/NQ-HĐQT	12/05/2022	- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
5	04B/2022/NQ-HĐQT	12/05/2022	- Thông qua thù lao của HĐQT và lương của Người điều hành Công ty năm 2022.
6	05/2022/NQ-HĐQT	25/08/2022	- Giao cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng đề án phát triển Công ty phù hợp với điều kiện, nhu cầu và tình hình, xu hướng phát triển của Công ty và của ngành bao gồm: khảo sát, nghiên cứu, tìm kiếm... địa bàn hoạt động mới cũng như giải pháp để làm chủ được các công nghệ về tàu; - Giao cho Ban Tổng Giám đốc thành lập và điều hành Ban nghiên cứu và phát triển nhằm hỗ trợ, giúp sức cho Tổng Giám đốc thực hiện nội dung đề cập tại Điều 1.
7	06/2022/NQ-HĐQT	01/09/2022	- Thông qua việc hoán cải và nâng cấp công suất của các tàu Superdong IX, X, XI, XII; - Thông qua việc chọn Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD là đối tác thực hiện hoán cải và nâng cấp công suất của các tàu Superdong IX, X, XI, XII; - Thông qua việc mở tuyến mới TP. Hồ Chí Minh - Vũng Tàu; - Thông qua việc chọn Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD là đối tác đóng tàu để chạy tuyến mới TP. Hồ Chí Minh - Vũng Tàu.
8	07/2022/NQ-HĐQT	09/09/2022	- Thông qua nội dung cơ bản của Hợp đồng hoán cải các tàu cao tốc Superdong IX, X, XI, XII.
9	BBH	23/12/2022	- Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình kinh doanh Quý 4 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Ông Phan Hồng Phúc và Bà La Xuân Đào đều là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị và đã tham gia tích cực trong tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Bằng sự hiểu biết sâu rộng và kinh nghiệm lâu năm của mình, họ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và tiếp tục đóng góp quan trọng cho việc giám sát và điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Trong suốt quá trình làm việc, Ông, Bà đã có những đóng góp quan trọng bằng cách đưa ra những ý kiến xác thực, có tính chuyên môn cao và thể hiện tinh thần độc lập của mình.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Hiện tại, tất cả các thành viên trong Hội đồng quản trị của Công ty đều sở hữu nhiều năm kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp, không chỉ trong nước mà còn ở quốc tế (thông tin chi tiết được cập nhật trong phần sơ yếu lý lịch). Tuy nhiên, do đang sinh sống ở các địa điểm khác nhau và số lượng lớp học về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức vẫn còn ít, các thành viên chưa thể tham gia để lấy chứng chỉ về quản trị công ty.



ỦY BAN KIỂM TOÁN

DANH SÁCH THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ngày bắt đầu là TV UBKT
1	Ông Phan Hồng Phúc	Chủ tịch	0,00%	17/05/2018
2	Bà La Xuân Đào	Thành viên	0,00%	24/03/2022

Rà soát Danh sách thay đổi thành viên UBKT trong năm

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV UBKT
1	Bà La Xuân Đào	Thành viên	24/03/2022

CÁC CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phan Hồng Phúc	Chủ tịch	02	100%
2	Bà La Xuân Đào	Thành viên	02	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP CỦA UBKT

Ủy ban kiểm toán đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp tương ứng như sau:

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
01	01/2022/ BBH-UBKT	30/06/2022	Tổng hợp đánh giá và báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong 06 tháng đầu năm 2022.
02	02/2022/ BBH-UBKT	31/12/2022	Tổng hợp đánh giá và báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2022.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2022

Kết quả thẩm tra tình hình tài chính Công ty năm 2022

Công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính năm 2021, Quý 1, 2 và 3 năm 2022 đã phản ánh được tình hình tài chính của Công ty ổn định, lành mạnh, trung thực;

Giám sát hoạt động kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2021 và soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2022.

Tình hình tuân thủ pháp luật của Công ty và công tác quản lý của Ban Tổng Giám đốc năm 2022

Trực tiếp theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp, trao đổi và cách thức đưa ra Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như cơ chế phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;

Ủy ban kiểm toán đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Mặc dù vừa hoạt động trở lại sau đại dịch Covid - 19, Công ty vẫn đảm bảo, duy trì kinh doanh ổn định, có lợi nhuận ngay từ Quý 1 năm 2022 và lợi nhuận lũy kế 9 tháng đã vượt mục tiêu năm 2022.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ủy ban kiểm toán luôn phối hợp tốt với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý liên quan trong khuôn khổ thực hiện chức năng giám sát của mình.

Ban Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của Ủy ban kiểm toán.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Khảo sát và đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 theo Tờ trình số 01/2022/TT-UBKT ngày 04/05/2022.

Giám sát hoạt động thuê ngoài kiểm toán nội bộ.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đvt: đồng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao	Tổng lương	Thưởng tết	Tổng thu nhập
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	221.760.000	277.950.000	33.040.000	532.750.000
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch HĐQT	158.400.000	729.340.000	86.800.000	974.540.000
3	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	95.040.000	850.250.000	140.000.000	1.085.290.000
4	Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
5	Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
6	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
7	Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
TỔNG			855.360.000	1.857.540.000	259.840.000	2.972.740.000
ỦY BAN KIỂM TOÁN						
1	Ông Phan Hồng Phúc	Chủ tịch UBKT	158.400.000	-	-	158.400.000
TỔNG			158.400.000	-	-	158.400.000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC						
1	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	NT	NT	-
2	Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng GD	-	997.690.000	116.368.000	1.114.058.000
3	Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng	-	729.850.000	133.300.000	863.150.000
TỔNG			-	1.727.540.000	249.668.000	1.977.208.000
TỔNG CỘNG			1.013.760.000	3.585.080.000	509.508.000	5.108.348.000

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan đến Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết HĐQT thông qua	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ CP sau giao dịch	Ghi chú
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	-	-	13/05/2022	NQ số 2 03/2022/NQ-HĐQT ngày 24/03/2022	Số cổ phiếu: 4.780.166 Tỷ lệ: 7,55%	Kí hợp đồng thuê văn phòng Hà Tiên
2	Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN. BHD	Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing	-	-	10/09/2022	NQ số 07/2022/NQ-HĐQT ngày 09/09/2022	Số cổ phiếu: 2.265.812 Tỷ lệ: 3,58%	Ký hợp đồng hoán cải các tàu cao tốc Superdong IX, X, XI, XII.
3	Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc	-	-	05/2021	NQ số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 14/05/2021	Số cổ phiếu: 33.101 Tỷ lệ: 0,052%	Ký hợp đồng thuê xe phục vụ cho hoạt động của Công ty. (*)
4	Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN. BHD	Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing	-	-	12/2019	NQ số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 28/11/2019 và NQ số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 17/12/2019	Số cổ phiếu: 2.265.812 Tỷ lệ: 3,58%	Hợp đồng đóng phà cao tốc thay thế tàu cao tốc.
5	Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN. BHD	Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing	-	-	02/2018	NQ số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 15/01/2018 và NQ số 02/2018/NQ-HĐQT ngày 06/02/2018	Số cổ phiếu: 2.265.812 Tỷ lệ: 3,58%	Hợp đồng đóng phà cao tốc tuyến Rạch Giá -Phú Quốc.

(*) Hợp đồng thuê xe của bà Nguyễn Thị Kim Hồng để phục vụ hoạt động Công ty đã chấm dứt vào tháng 11/2022.

GIAO DỊCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CÔNG TY

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2022)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Thành viên HĐQT và người có liên quan							
1	Bà Hà Nguyệt Nhi		5.040.166	7,960%	4.780.166	7,55%	Bán
1.1	Bà Vương Lục Muội	Mẹ	356	0,001%	356	0,001%	
1.2	Ông Hà Ví Bàn	Anh trai	34.538	0,055%	34.538	0,055%	
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung		14.844	0,023%	14.844	0,023%	
2.1	Ông Âu Chí Toàn	Chồng	6.483	0,010%	6.483	0,010%	
3	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ		640.008	1,011%	640.008	1,011%	
4	Ông Puan Kwong Siing		10.470.757	16,533%	10.470.757	16,533%	
4.1	Ông Puan Chiong	Anh trai	3.075.075	4,855%	3.075.075	4,855%	
4.2	Ông Puan Kiong Sii	Anh trai	1.320.042	2,084%	1.157.002	1,83%	Mua, bán
4.3	Ông Eric Yee Kuok Enng	Anh rể	300	0,00%	200	0,00%	Bán
4.4	Ông Bruce Ting Siaw Lung	Em rể	9.310	0,01%	9.310	0,010%	
4.5	Bà Kong Mee Ling	Chị dâu	261.906	0,41%	300.606	0,47%	Mua, bán
4.6	Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD	Tổ chức có liên quan	2.165.812	3,580%	2.165.812	3,580%	
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan							
1	Ông Puan Kwong Siing	Đã khai trên mục I. Thành viên HĐQT và người có liên quan					
2	Bà Nguyễn Thị Kim Hồng		33.101	0,052%	33.101	0,052%	
2.1	Ông Nguyễn Văn Bớt	Cha	356	0,001%	356	0,001%	
2.2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Mẹ	356	0,001%	356	0,001%	
2.3	Ông Võ Quang Lộc	Chồng	356	0,001%	356	0,001%	
2.4	Ông Nguyễn Thanh Phong	Em trai	356	0,001%	356	0,001%	
2.5	Ông Nguyễn Văn Lợi	Em rể	139.790	0,220%	139.790	0,22%	

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật để đảm bảo tính minh bạch trong việc cung cấp thông tin cho cổ đông. Điều này giúp đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường sự tin tưởng đối với Công ty. Cụ thể, Công ty thực hiện việc công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn và đảm bảo tính chính xác, khách quan của thông tin. Việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật cũng giúp Công ty tránh được các rủi ro pháp lý, đảm bảo an toàn về mặt pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức Đại hội đồng cổ đông định kỳ và trả cổ tức đúng thời hạn, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường sự tin tưởng của các nhà đầu tư;
- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân sự, lập kế hoạch dự phòng nhân sự, đảm bảo quyền lợi và phúc lợi cho người lao động một cách công bằng giúp tạo động lực cho người lao động cống hiến cho phát triển chung của doanh nghiệp. Thông qua hiệu suất làm việc, trưởng bộ phận nhân sự cân nhắc đề xuất mức lương thưởng tương xứng cho nhân viên;
- Công tác quản lý nhân sự ngày càng hoàn thiện và áp dụng tiến bộ của công nghệ nhiều hơn để tự động hoá các nghiệp vụ, giúp cho việc quản trị được chuẩn hóa hơn và hiệu quả hơn trong tương lai, từ đó có thể có những điều chỉnh, phương án tốt nhất để phát triển nguồn nhân lực;
- Quản trị quan hệ khách hàng là một trong những yếu tố quan trọng nhất để duy trì và phát triển khách hàng. Công ty đưa ra các chính sách hỗ trợ khách hàng, tạo một môi trường thân thiện và chuyên nghiệp để tăng cường sự hài lòng của khách hàng. Đồng thời, đưa ra các chiến lược marketing hiệu quả để thu hút khách hàng mới;
- Quản trị tài chính - kế toán là lĩnh vực quan trọng để đảm bảo sự ổn định tài chính và phát triển bền vững của Công ty. Công ty xác định rõ các chỉ tiêu tài chính, phân tích dữ liệu tài chính để đưa ra các quyết định quản trị hợp lý. Ngoài ra, Công ty còn nâng cao chất lượng kế toán, tuân thủ chính sách thuế, quản lý hiệu quả các nguồn lực tài chính sẵn có.





**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Tổng khí thải nhà kính (GHG - Greenhouse Gases) đề cập đến tổng số khí nhà kính (gas nhà kính) được phát thải vào môi trường. Khí thải nhà kính bao gồm nhiều loại khí như CO₂, CH₄, N₂O, HFCs, PFCs, và các loại khí khác. Khí thải nhà kính đóng một vai trò chính yếu trong hiện tượng nóng lên toàn cầu, vì vậy giảm tổng khí thải nhà kính là một trong những nỗ lực chính trong việc đối phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Tổng khí thải nhà kính có thể được chia thành hai loại là khí thải trực tiếp và gián tiếp. Sự phát triển các giải pháp giảm thiểu tổng khí thải nhà kính đang là một nhu cầu cấp bách để đảm bảo bền vững cho hệ thống kinh tế toàn cầu.

Công ty đã thực hiện một loạt các hoạt động nhằm giảm khí thải nhà kính, trong đó có nhiều giải pháp ứng dụng các công nghệ tiên tiến và quy trình hiệu quả để giảm thiểu lượng khí thải phát ra vào môi trường. Các hoạt động này bao gồm tối ưu hóa các quy trình, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo và hiệu quả hơn, cải thiện hệ thống quản lý rác thải, thay đổi chế độ vận hành phương tiện giao thông, đồng thời tăng cường nâng cao ý thức và thực hiện các chính sách khí thải nhà kính để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong việc duy trì hoạt động vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc và phà, dầu DO vẫn được sử dụng như là nguồn nhiên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã tập trung vào việc nâng cao ý thức và quan tâm đến việc sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng và các sáng kiến giúp tiết giảm lượng nguyên liệu sử dụng và khí thải trong vận hành.

Công ty chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng tàu với sự hợp tác với các công ty đáng tin cậy trong ngành, áp dụng công nghệ tiên tiến và liên tục nâng cao mức độ thân thiện với môi trường. Việc lập kế hoạch kinh

doanh được tiến hành một cách cẩn trọng, bao gồm việc đánh giá thời điểm khai thác phù hợp và cân nhắc kỹ lưỡng trong việc bố trí giờ khởi hành để tránh lãng phí tàu chạy trống tải hoặc chờ quá ít hành khách. Ngoài ra, Công ty còn tập trung vào việc nghiên cứu và áp dụng các giải pháp hiệu quả về quản lý vận tải để tối ưu hoá việc vận hành tàu và giảm thiểu tác động đến môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của công ty vận tải hành khách, hàng hóa đường biển là lượng năng lượng cần thiết để vận hành các tàu của Công ty, bao gồm năng lượng tiêu thụ để cung cấp cho động cơ, các thiết bị điện tử trên tàu, cũng như năng lượng tiêu thụ để điều hòa không khí và cung cấp nước cho hành khách, thủy thủ trên tàu. Đây là một yếu tố đóng vai trò quan trọng trong chi phí vận hành của Công ty và ảnh hưởng đến môi trường thông qua khí thải và lượng nước thải sinh ra từ quá trình vận hành tàu;
- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp bao gồm các hoạt động không trực tiếp liên quan đến hoạt động vận tải nhưng vẫn ảnh hưởng đến lượng năng lượng tiêu thụ của Công ty; bao gồm những hoạt động như năng lượng tiêu thụ để vận hành các bộ phận hỗ trợ cho hoạt động vận tải như văn phòng, kho bãi, nhà xưởng,...
- Để giảm thiểu năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp, Công ty đã thực hiện các giải pháp như (1) chọn đầu tư vào các tàu có thiết kế và công nghệ mới nhất, giúp tối ưu hóa hiệu suất năng lượng; (2) tối ưu hóa tuyến đường vận tải, đưa ra lịch trình vận hành tối ưu; (3) khuyến khích nhân viên tiết kiệm năng lượng và sử dụng các công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu năng lượng tiêu thụ.

TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty có nguồn cung cấp nước chính từ hệ thống đường ống dẫn nước của địa phương. Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm nước như: lắp đặt thiết bị tiết kiệm nước, chăm sóc và bảo dưỡng các hệ thống cấp nước, tuyên truyền và nâng cao ý thức tiết kiệm nước của người lao động.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường, điều này chứng tỏ việc tuân thủ tiêu chuẩn môi trường và pháp luật là rất quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Các tàu của Công ty đều phải tuân thủ các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải và không gây ô nhiễm môi trường. Công ty cam kết sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đồng thời xem xét và áp dụng những giải pháp tiết kiệm năng lượng để bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng luôn tuân thủ các quy định và chịu sự kiểm soát gắt gao bởi các cơ quan đăng kiểm Việt Nam để đảm bảo hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách an toàn và hiệu quả.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Cùng với sự phát triển không ngừng của Công ty, đội ngũ nhân viên và thuyền viên đã tăng lên đáng kể so với những năm đầu hoạt động. Tuy nhiên, điều này đang diễn ra trong bối cảnh lực lượng lao động trong ngành vận tải đang ngày càng khan hiếm. Với mục tiêu tiếp tục đảm bảo an toàn và chất lượng dịch vụ, Công ty đang hướng tới công tác đào tạo nguồn lao động chất lượng cao. Đồng thời, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các thỏa thuận lao động và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp cho nhân viên, cùng xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh và lành mạnh;
- Trong năm qua, mức thu nhập trung bình của nhân viên tại Công ty là 12.095.478 đồng/người/tháng và toàn bộ nhân viên đều được khám sức khỏe định kỳ. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng phục vụ, giúp phục vụ khách hàng tốt hơn. Tất cả những nỗ lực này đều hướng tới việc xây dựng một văn hóa doanh nghiệp với sự văn minh, lịch sự và phục vụ chuyên nghiệp trong lĩnh vực vận tải hành khách, hàng hóa và phương tiện vận tải.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với tầm nhìn xa hơn về sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội, Công ty không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh mà còn đặt mục tiêu tham gia tích cực vào các chương trình mang lại giá trị cho cộng đồng. Công ty cam kết tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các đơn vị có chuyên môn để đóng góp vào việc hỗ trợ và tài trợ kinh phí cho các hoàn cảnh khó khăn, đồng thời tham gia tích cực vào các chương trình xây dựng cộng đồng hiệu quả lâu dài. Đặc biệt, Công ty đặt sự chú trọng đến việc hỗ trợ các hoạt động cộng đồng tại các địa phương mà doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh. Các hoạt động này không chỉ giúp Công ty tạo dựng uy tín trong cộng đồng mà còn giúp nâng cao trách nhiệm xã hội và tạo ra giá trị lâu dài cho sự phát triển bền vững của xã hội.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022



Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC
SUPERDONG – KIÊN GIANG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 170056108 ngày 14/11/2007 và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó chủ tịch
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên
Bà La Xuân Đào	Thành viên
Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên
Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ủy Ban Kiểm toán nội bộ gồm:

Ông Phan Hồng Phúc	Chủ tịch UBKT	Bổ nhiệm ngày 25/03/2022
Bà La Xuân Đào	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- ▶ Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 21 tháng 03 năm 2023

Số: DDMYY.XXX/BCTC.FIS1/[2]

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được lập ngày 25 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 03 năm 2022.

**Công ty TNHH
Hãng Kiểm toán AASC**

(đã ký)

(đã ký)

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Đình Quang Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3681-2022-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		407.839.783.960	288.076.621.436
110	I. Tiền và tương đương tiền		10.821.490.950	8.191.903.226
111	1. Tiền	3	10.821.490.950	8.191.903.226
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		206.395.990.363	113.959.532.789
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	206.395.990.363	113.959.532.789
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		154.434.694.071	127.337.097.194
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	661.034.010	169.224.740
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	122.180.058.584	98.772.681.278
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	31.593.601.477	28.395.191.176
140	IV. Hàng tồn kho		29.360.949.182	27.998.691.108
141	1. Hàng tồn kho	8	29.360.949.182	27.998.691.108
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.826.659.394	10.589.397.119
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.138.414.491	3.332.429.957
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.688.244.903	3.731.286.042
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	14	-	3.525.681.120
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		449.253.544.992	523.455.987.779
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		945.000.000	2.121.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	945.000.000	2.121.000.000
220	II. Tài sản cố định		441.606.142.693	491.911.886.364
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	433.521.733.463	484.134.394.024
222	- Nguyên giá		813.318.730.534	812.079.903.093
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(379.796.997.071)	(327.945.509.069)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	8.084.409.230	7.777.492.340
228	- Nguyên giá		10.329.532.581	9.874.532.581
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.245.123.351)	(2.097.040.241)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		897.772.730	985.478.713
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	897.772.730	985.478.713
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	20.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	-	20.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.804.629.569	8.437.622.702
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.804.629.569	8.437.622.702
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		857.093.328.952	811.532.609.215

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.111.133.494	10.527.484.653
310	I. Nợ ngắn hạn		13.111.133.494	10.527.484.653
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.570.822.893	3.594.206.641
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.164.142.018	1.343.349.001
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.312.258.271	52.582.782
314	4. Phải trả người lao động		7.579.504.160	5.000.183.446
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	484.406.152	537.162.783
400	D. NGUỒN VỐN		843.982.195.458	801.005.124.562
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	843.982.195.458	801.005.124.562
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		633.317.350.000	633.317.350.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		633.317.350.000	633.317.350.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.469.923.636	11.469.923.636
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.825.309.715	6.825.309.715
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.000.000.000	2.000.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		190.369.612.107	147.392.541.211
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		147.392.541.211	185.931.943.804
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		42.977.070.896	(38.539.402.593)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		857.093.328.952	811.532.609.215

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 21 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	409.849.711.359	167.159.108.888
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	409.849.711.359	167.159.108.888
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	19	314.361.072.116	179.548.185.160
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		95.488.639.243	(12.389.076.272)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	8.508.589.260	8.112.927.956
22	7. Chi phí tài chính		-	1.649.612
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	21	44.079.332.929	25.320.826.434
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	12.760.850.274	10.122.475.601
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.157.045.300	(39.721.099.963)
31	11. Thu nhập khác	23	1.427.977.052	1.181.807.248
32	12. Chi phí khác	24	678.261.833	109.878
40	13. Lợi nhuận khác		749.715.219	1.181.697.370
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.906.760.519	(38.539.402.593)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	4.929.689.623	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		42.977.070.896	(38.539.402.593)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	679	(609)

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 21 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		47.906.760.519	(38.539.402.593)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định		52.092.165.428	52.342.829.749
04	(Lãi)/lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(545.184)	1.649.612
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(8.506.063.898)	(8.112.877.263)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		91.492.316.865	5.692.199.505
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		(1.184.667.666)	1.407.419.316
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		(1.362.258.074)	37.766.136
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		1.960.838.870	(3.990.490.420)
12	Giảm chi phí trả trước		2.734.414.283	5.374.483.287
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(800.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		92.840.644.278	8.521.377.824
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(23.264.761.458)	(38.387.138.736)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(255.436.457.574)	(141.047.532.789)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		183.000.000.000	185.875.313.181
27	7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.489.302.294	10.310.582.894
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(90.211.916.738)	16.751.224.550
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(31.664.668.126)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(31.664.668.126)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.628.727.540	(6.392.065.752)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.191.903.226	14.585.818.590
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		860.184	(1.849.612)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	10.821.490.950	8.191.903.226

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 21 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 170056108 ngày 14/11/2007, và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 633.317.350.000 VND, tương đương 63.331.735 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND, và cổ phần của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là SKG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 326 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 346 người).

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển.

Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, hoạt động vận tải hành khách của Công ty trở lại bình thường và doanh thu đạt mức tăng trưởng 145%, tương đương tăng 243 tỷ VND so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, các chi phí biến đổi tăng chủ yếu do biến động của giá nguyên vật liệu, đặc biệt là dầu DO. Điều này dẫn tới sự tăng mạnh của giá vốn nhưng tăng chậm hơn so với doanh thu, lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 83 tỷ VND so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc Công ty

Tại 31/12/2022, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động trong cùng lĩnh vực nêu trên là:

Chi nhánh	Địa chỉ
VPĐD Hồ Chí Minh	610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Nam Du	Số 02 Ấp Cù Tron, Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Sóc Trăng	Thửa đất số 102, 103, 104, tờ bản đồ số 47, ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng.
Chi nhánh Phú Quý	Số 11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận.
Chi nhánh Côn Đảo	Đường Trần Phú, Khu 6, Thị trấn Côn Đảo, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- ▶ Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- ▶ Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty là các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn, gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm (nếu có) căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp nhập trước, xuất trước.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--|-------------|
| ▶ Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 - 40 năm |
| ▶ Máy móc, thiết bị | 02 - 10 năm |
| ▶ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 - 15 năm |
| ▶ Thiết bị quản lý | 01 - 03 năm |
| ▶ Phần mềm quản lý vé và phần mềm máy tính | 03 - 05 năm |

- | | |
|----------------------|----------------------|
| ▶ Quyền sử dụng đất | Không trích khấu hao |
| ▶ TSCĐ vô hình khác | 15 năm |
| ▶ TSCĐ hữu hình khác | 02 - 05 năm |

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.
- ▶ Chi phí bảo hiểm đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.
- ▶ Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng không quá 03 năm.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quý khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Ưu đãi thuế

Mô tả	Dự án	Thuế suất
Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng trong giai đoạn 2007 – 2012	Tàu Superdong I, II, III, IV, V, VI	Thuế suất 10% trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án, và miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2008).

Mô tả	Dự án	Thuế suất
Dự án đầu tư mở rộng từ năm 2014 trở đi	Tàu Superdong VII, VIII, IX, X, XI, XII, Phà PI, PII	Miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế.
Các dự án đầu tư mới	Bus Bãi vòng Đông Dương, Tàu Côn đảo I, II, Bus Trần Trần Đề - Sóc Trăng, Bến tàu Trần Đề, Tàu Phú Quý I, II	Thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Thuế suất áp dụng cho các thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi thuế trong năm là 20%.

2.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Thông tin bộ phận

Toàn bộ doanh thu của Công ty đến từ hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa ven biển trên địa bàn các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	978.406.000	11.426.177
Tiền gửi ngân hàng	9.467.760.299	8.105.943.701
Tiền đang chuyển	375.324.651	74.533.348
	10.821.490.950	8.191.903.226

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	206.395.990.363	-	113.959.532.789	20.000.000.000
	206.395.990.363	-	113.959.532.789	20.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại có lãi suất từ 4,5% đến 8,9%, thời hạn từ 06 tháng đến 15 tháng.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mai Linh Tây Đô	328.000.000	-
Các đối tượng khác	333.034.010	169.224.740
	661.034.010	169.224.740

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd - Bên liên quan (*)	120.102.794.875	98.444.154.875
Các đối tượng khác	2.077.263.709	328.526.403
	122.180.058.584	98.772.681.278

(*) Số dư tại ngày 31/12/2022 là khoản ứng trước cho việc thực hiện các hợp đồng thiết kế, lắp đặt, hoàn thiện và chuyển giao hai phà cao tốc chở khách bằng hợp kim nhôm. Tiến độ các hợp đồng như sau:

- ▶ Khoản ứng trước cho Hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRR/02/18, số tiền 45.118.413.549 VND: đã hoàn thiện tuy nhiên chưa nhập về được do Công ty chưa tìm được bến bãi neo đậu và phà. Theo xác nhận của Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd, Công ty không chịu thêm các khoản chi phí phát sinh do chưa lấy tàu về theo biên bản ngày 30/08/2018 và biên bản xác nhận công nợ ngày 07/01/2023.
- ▶ Khoản ứng trước cho Hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRP/12/19, số tiền 53.325.741.326 VND: chậm tiến độ do ảnh hưởng của dịch Covid-19 như máy móc, trang thiết bị không được bàn giao đúng thời hạn, cơ quan đăng kiểm không thể kiểm định. Theo thỏa thuận tại Phụ lục số KS/SUPERDONG/PASTRP/12/19-ANNEX03 ngày 10/03/2022, thời hạn bàn giao được điều chỉnh đến 31/12/2023.
- ▶ Khoản ứng trước cho Hợp đồng số KS/SUP/RE No 9 to 12/09/2022 ngày 10/09/2022, số tiền 21.658.640.000 VND cung cấp dịch vụ hoán cải, sửa chữa 4 tàu Superdong IX, X, XI, XII. Theo đó, tổng giá trị hợp đồng là 4.600.000 USD, thời gian thực hiện trong vòng 3 tháng kể từ ngày bàn giao tàu.

7. Phải thu khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn - Bên khác		
Lãi tiền gửi dự thu	5.071.901.238	2.055.139.634
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên (*)	24.214.019.671	23.556.439.671
Tạm ứng nhân viên	795.000.000	795.000.000
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	106.000.000
Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên (**)	1.176.000.000	1.176.000.000
Phải thu khác	330.680.568	706.611.871
	31.593.601.477	28.395.191.176
Dài hạn - Bên khác		
Ký cược, ký quỹ	805.000.000	805.000.000
Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên (**)	140.000.000	1.316.000.000
	945.000.000	2.121.000.000

(*) Số dư cuối năm gồm:

- Giá trị tiền được hoàn trúng thầu là 21.350.000.000 VND (theo văn bản xác nhận số 20/TCKH-NS ngày 06/02/2023 của UBND Thành phố Hà Tiên), và
- Tiền đền bù được Công ty ước tính là 2.864.019.671 VND.

Số dư cuối năm được ghi nhận theo Văn bản số 215/UBND-TCKH của UBND Thành phố Hà Tiên ngày 08/07/2019, Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐQT ngày 04/09/2019 của Hội đồng quản trị và Văn bản số 371/UBND-TCKH của UBND Thành phố Hà Tiên ngày 14/10/2020. Theo đó, các bên thống nhất việc hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng, bàn giao thửa số 18, khu phố 1, phường Tô Châu thành phố Hà Tiên phát sinh trong tháng 12/2017 của Công ty. Đồng thời, UBND Thành phố Hà Tiên hoàn tiền trúng thầu cho Công ty cộng thêm phần lãi suất tính theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng nhà nước quy định.

(**) Ứng vốn không lãi suất cho Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên theo hợp đồng số 10/HĐ-BQLB ngày 17/03/2017. Mục đích là để đầu tư xây dựng Nhà điều hành – Sân nền – Cây xanh bến tàu Hà Tiên, số tiền tạm ứng ban đầu là 4.256.000.000 VND. Theo đó, số tiền sẽ được hoàn trả hàng tháng là 98.000.000 VND (hay 1.176.000.000 VND mỗi năm) cho đến khi hoàn trả hết khoản ứng vốn. Số tiền còn chưa thanh toán tại ngày 31/12/2022 là 140.000.000 VND.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phụ tùng	22.340.895.292	21.221.650.688
Dầu Do	1.789.140.617	1.307.604.247
Nhiên liệu	606.923.358	484.325.827
Vật liệu	4.523.736.581	4.948.357.607
Hàng hóa	100.253.334	36.752.739
	29.360.949.182	27.998.691.108

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*) VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	67.702.759.797	1.250.157.802	741.773.551.944	960.035.527	393.398.023	812.079.903.093
Mua mới	220.909.259	-	869.118.182	148.800.000	-	1.238.827.441
Tại ngày 31/12/2022	67.923.669.056	1.250.157.802	742.642.670.126	1.108.835.527	393.398.023	813.318.730.534
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	5.275.294.923	831.435.603	320.612.589.545	939.321.054	286.867.944	327.945.509.069
Khấu hao	2.011.219.721	134.430.192	49.614.501.307	29.541.926	61.794.856	51.851.488.002
Tại ngày 31/12/2022	7.286.514.644	965.865.795	370.227.090.852	968.862.980	348.662.800	379.796.997.071
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	62.427.464.874	418.722.199	421.160.962.399	20.714.473	106.530.079	484.134.394.024
Tại ngày 31/12/2022	60.637.154.412	284.292.007	372.415.579.274	139.972.547	44.735.223	433.521.733.463

► Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.798.370.361 VND.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	7.126.349.000	1.799.075.390	949.108.191	9.874.532.581
Mua trong năm	-	455.000.000	-	455.000.000
Tại ngày 31/12/2022	7.126.349.000	2.254.075.390	949.108.191	10.329.532.581
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	-	1.701.915.406	395.124.835	2.097.040.241
Khấu hao trong năm	-	96.549.782	51.533.328	148.083.110
Tại ngày 31/12/2022	-	1.798.465.188	446.658.163	2.245.123.351
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	7.126.349.000	97.159.984	502.450.028	7.777.492.340
Tại ngày 31/12/2022	7.126.349.000	455.610.202	502.450.028	8.084.409.230

Quyền sử dụng đất lâu dài là các diện tích đất làm văn phòng của Công ty tại:

- (i) 1F, Nguyễn Huỳnh Đức, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;
- (ii) 14 Tự Do, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và;
- (iii) số L4, Lô 01, Đường 3/2, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

► Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.671.274.490 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Mua sắm tài sản cố định	823.285.185	513.100.000
Xây dựng cơ bản dở dang	74.487.545	472.378.713
- Công trình bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng (*)	74.487.545	74.487.545
- Các công trình khác	-	397.891.168
	897.772.730	985.478.713

(*) Thông tin chi tiết dự án Bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng:

- Địa điểm thực hiện: Ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng;
- Thời gian khởi công: Tháng 1 năm 2017;
- Mục tiêu dự án: Đầu tư bến cảng trên phần diện tích 4 hecta, bao gồm các hạng mục: cầu cảng, kho, trụ sở, cơ sở dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ cho nhân viên, kinh doanh ăn uống, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước và các công trình phụ trợ khác;
- Tổng mức đầu tư theo kế hoạch: 90 tỷ VND;
- Tiến độ của công trình tại thời điểm 31/12/2022: Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019 với các công trình nhà ga bán vé, nhà chờ và các công trình phụ trợ trong phạm vi nhà chờ; vận hành tàu đóng mới và khai thác với tần suất 14 chuyến/tháng/2 tàu. Số dư tại ngày 31/12/2022 là chi phí lập bản vẽ thi công cho hạng mục tiếp theo và công trình đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng.
- Thời gian dự kiến hoàn thành toàn bộ dự án: Năm 2025.

12. Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	650.244.648	785.418.424
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu	1.279.969.184	1.325.451.376
Chi phí trả trước khác	1.208.200.659	1.221.560.157
	3.138.414.491	3.332.429.957
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	155.603.635	61.936.878
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu	1.158.020.854	3.750.272.445
Tiền thuê đất trả trước (*)	4.081.866.291	4.174.460.607
Chi phí trả trước khác	409.138.789	450.952.772
	5.804.629.569	8.437.622.702

(*) Tiền thuê đất trả tiền một lần tại Ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án Bến Cảng Trần Đề - Sóc Trăng (Thuyết minh 11*) theo hợp đồng thuê đất được trình bày chi tiết tại Thuyết minh 17(a).

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan	23.730.000	22.920.000
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd	23.730.000	22.920.000
Bên khác	1.547.092.893	3.571.286.641
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	-	1.137.990.000
Công ty Cổ Phần Bê tông IBS	-	848.748.290
Công ty TNHH Thiết kế Kiến Trúc và Xây dựng Không Gian Xanh	-	332.000.000
DNTN Xăng dầu Phi Hải	196.800.000	367.800.000
Công ty TNHH TM Công Nghệ Đại Thắng	260.000.000	244.000.000
Công ty Cổ Phần Hòa Bình Hàm Ninh	157.736.143	86.908.000
Các đối tượng khác	932.556.750	553.840.351
	1.570.822.893	3.594.206.641

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2022

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022		31/12/2022	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	13.595.056	12.253.294.671	11.612.846.696
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.507.194.652	-	4.929.689.623	800.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	38.987.726	1.090.947.491	1.097.467.094
Các loại thuế khác	18.486.468	-	291.887.876	270.149.262
Các khoản phải nộp khác	-	-	87.300.000	87.300.000
	3.525.681.120	52.582.782	18.653.119.661	13.867.763.052

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2021		31/12/2021		01/01/2022		31/12/2022	
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND
Tại ngày 01/01/2021	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	217.597.811.305	871.210.394.656	633.317.350.000	11.469.923.636
Lỗ năm trước	-	-	-	-	(38.539.402.593)	(38.539.402.593)	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(31.665.867.500)	(31.665.867.500)	-	-
Tại ngày 01/01/2022	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	147.392.541.211	801.005.124.562	633.317.350.000	11.469.923.636
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	42.977.070.896	42.977.070.896	-	-
Tại ngày 31/12/2022	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	190.369.612.107	843.982.195.458	633.317.350.000	11.469.923.636

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Kaibuok Shiyard (M) Sdn.Bhd	22.658.120.000	3,6	22.658.120.000	3,6
Puan Kwong Siing	104.707.570.000	16,5	104.707.570.000	16,5
Ting Chek Hua	55.502.000.000	8,8	59.356.640.000	9,3
Hà Nguyệt Nhi	47.801.660.000	7,5	50.401.660.000	8,0
Khác	402.648.000.000	63,6	396.193.360.000	62,6
	633.317.350.000	100,0	633.317.350.000	100,0

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	633.317.350.000	633.317.350.000
- Vốn góp cuối năm	633.317.350.000	633.317.350.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	12.318.524	11.119.150
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	31.665.867.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	31.665.867.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	(31.664.668.126)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(31.664.668.126)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	12.318.524	12.318.524

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.331.735	63.331.735
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu phổ thông	63.331.735	63.331.735
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu phổ thông	63.331.735	63.331.735

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả tiền cổ tức	12.318.524	12.318.524
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	118.706.319	106.173.595
Thù lao Hội đồng Quản trị	72.336.000	36.168.000
Khác	281.045.309	382.502.664
	484.406.152	537.162.783

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán và Cam kết thuê hoạt động

Tài sản thuê ngoài

- a) Công ty ký hợp đồng thuê đất số 05/HĐTD ngày 24/02/2017 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng (theo hợp đồng trả tiền thuê đất một lần) tại ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án Bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng (Thuyết minh 11*). Diện tích thuê là 36.691,3 m² và thời hạn thuê đất từ ngày 21/02/2017 đến 15/02/2067.
- b) Ngoài ra, Công ty ký các hợp đồng thuê vị trí tại nhiều địa điểm để làm văn phòng, kho. Công ty phải trả tiền thuê vị trí định kỳ theo quy định tại các hợp đồng này.

Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
USD	3.055,70	7.945,20

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	409.849.711.359	167.159.108.888
	409.849.711.359	167.159.108.888

19. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	177.055.121.175	60.990.414.688
Chi phí nhân công	44.890.191.022	36.857.854.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.481.591.810	51.586.728.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.623.292.642	19.455.790.183
Chi phí khác bằng tiền	18.310.875.467	10.657.397.902
	314.361.072.116	179.548.185.160

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.506.063.898	8.112.877.263
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.980.178	50.693
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	545.184	-
	8.508.589.260	8.112.927.956

21. Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	13.649.245.951	10.521.066.094
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	61.986.246	32.229.970
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.254.776	327.871.464
Chi phí hoa hồng, chiết khấu	24.136.210.292	9.845.875.632
Chi phí bán hàng khác	5.912.635.664	4.593.783.274
	44.079.332.929	25.320.826.434

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.595.347.471	6.061.437.749
Chi phí vật liệu quản lý	76.341.268	57.011.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.724.526	335.635.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.870.514.073	2.269.578.894
Chi phí bằng tiền khác	2.019.922.936	1.398.811.947
	12.760.850.274	10.122.475.601

Trong đó, mua từ bên liên quan (Thuyết minh 30) **41.500.000** **30.000.000**

23. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập từ việc khách hủy vé	561.095.747	443.672.018
Thu nhập khác	866.881.305	738.135.230
	1.427.977.052	1.181.807.248

24. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí đền bù tàu Phú Quý	666.947.471	-
Chi phí khác	11.314.362	109.878
	678.261.833	109.878

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận trước thuế	47.906.760.519	(38.539.402.593)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ khi tính thuế	21.860.587.573	8.884.062.817
Thu nhập chịu thuế	69.767.348.092	(29.655.339.776)
Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định	(22.572.262.290)	-
Thu nhập tính thuế	47.195.085.802	(29.655.339.776)
Thuế TNDN phải nộp	8.257.114.807	-
Miễn, giảm thuế phải nộp đối với thu nhập ưu đãi	(3.327.425.184)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.929.689.623	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(3.507.194.652)	(3.507.194.652)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	800.000.000	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	622.494.971	(3.507.194.652)

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.977.070.896	(38.539.402.593)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	42.977.070.896	(38.539.402.593)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	63.331.735	63.331.735
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	679	(609)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	177.193.448.689	61.079.655.992
Chi phí nhân công	66.134.784.444	53.440.357.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.999.571.112	52.250.235.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.493.806.715	21.725.369.077
Chi phí khác bằng tiền	50.379.644.359	26.495.868.755
	371.201.255.319	214.991.487.195

28. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2022			
Tiền	10.821.490.950	-	10.821.490.950
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.254.635.487	945.000.000	33.199.635.487
Các khoản cho vay	206.395.990.363	-	206.395.990.363
	249.472.116.800	945.000.000	250.417.116.800
01/01/2022			
Tiền	8.191.903.226	-	8.191.903.226
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.564.415.916	2.121.000.000	30.685.415.916
Các khoản cho vay	113.959.532.789	20.000.000.000	133.959.532.789
	150.715.851.931	22.121.000.000	172.836.851.931

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2022			
Phải trả người bán, phải trả khác	2.055.229.045	-	2.055.229.045
	2.055.229.045	-	2.055.229.045
01/01/2022			
Phải trả người bán, phải trả khác	4.131.369.424	-	4.131.369.424
	4.131.369.424	-	4.131.369.424

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty quyết định thông qua việc thanh lý phà Superdong PI, PII theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HDQT ngày 21/02/2023 của Hội đồng quản trị và công bố thông tin vào ngày 21/02/2023. Theo đó, đối tác thanh lý là Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD. Giá trị thanh lý là 65.800.000.000 VND/ 02 chiếc, tương đương 2.800.000 USD). Lợi nhuận thu được sau khi đã bù trừ giữa thu nhập và chi phí thanh lý ước tính là 5.613.309.780 VND.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty và mối quan hệ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd Bà Hà Nguyệt Nhi Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Cổ đông Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua dịch vụ	131.500.000	112.500.000
Bà Hà Nguyệt Nhi (Cho thuê văn phòng)	90.000.000	82.500.000
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng (Cho thuê xe)	41.500.000	30.000.000

Thu nhập của Ban điều hành trong năm như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	532.750.000	405.060.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch HĐQT	974.540.000	727.383.600
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	1.085.290.000	1.055.240.000
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT	95.040.000	75.240.000
Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT - Thành viên UBKT	95.040.000	75.240.000
Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT - Chủ tịch UBKT	253.440.000	200.640.000
Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT	95.040.000	75.240.000
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc	1.114.058.000	839.512.000
Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng	863.150.000	663.242.308
		5.108.348.000	4.116.797.908

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán.

32. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2023.

(đã ký)	(đã ký)	(đã ký)
Nguyễn Thị Kim Hồng Phó Tổng Giám đốc	Bùi Thị Hồng Đào Kế toán trưởng	Lâm Thị Ngọc Thương Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 21 tháng 03 năm 2023



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Kiên Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



HÀ NGUYỆT NHI